

H^o
Indoch
100



Khoa chữa đàn bà con gái

Các chứng bệnh của đàn-bà và con gái cũng không khác gì đàn-ông và con trai, nên phép trị bệnh như nhau.

Chỉ có khác con gái những chứng này: kinh nguyệt không đều, ra trắng, ra đục, băng huyết, lậu huyết, tích huyết, thai nghén, sinh nở, và bệnh đau vú, đau cửa-mình v. v.

Các chứng đó khác với đàn ông. Nên mới lập một khoa riêng, chia ra từng môn, để trị cho tường tận.

Kinh-nguyệt

Theo lý thuyết phương Đông nói: con gái đến độ 14 tuổi nước thiên-quý là thứ nước màu tự-nhiên ở hạch thận hóa ra, chảy đầy đến nhà-con, khi đó mạch «nhiệm» là một luồng mạch lớn liền với bộ-phận tiêu-hóa đi đằng trước bụng, cảm động mà chảy lưu thông ra, mạch thai-xương cũng càng mạnh mẽ đầy-rẫy thêm ra, mới chảy xuống qua nhà-con thành ra kinh-nguyệt, cứ mỗi tháng một lần.

Theo lý-thuyết phương Tây nói: con gái có kinh-nguyệt là vì những tế-bào (cellules) trong buồng-trứng đã thành-thực sức sinh-nở đã hoàn-toàn, trong đó đầy rẫy những huyết mới chảy ra qua nhà-con mà bài-tiết ra ngoài.

Tóm lại con gái đến tuổi 14 trở đi (trừ có chứng bệnh khác không kể), các huyết trong mình đầy-đủ, thì tự-nhiên đưa bớt chất thừa ra ngoài, làm cái giấu hiệu chỉ cho biết đã đến thời-kỳ các bộ-phận sinh-dục thành-thực; ví như rễ cây hút màu nuôi các bộ-phận của cây, đến thời kỳ đã đủ sức lớn, thì nảy nụ, nở hoa.

Kinh-nguyệt vốn là máu-thật với thứ nước-đỏ thông-thường trong các bộ-phận lọc chất xấu-thừa chảy ra.

Khi kinh-nguyệt chảy xuống, thoát đầu ra nước đỏ tươi, sau dần đặc lại, nếu khi nào đọng hơi lâu ở nhà-con thì biến thành «đen».

H^o Indoch
100



Bao nhiêu tuổi thì có kinh-nguyệt

Nói chung là 14 tuổi, nhưng tùy theo khí hậu, phong-tục tính-chất, bồi-dưỡng cũng có khác.

Con gái nhà nghèo, vào quãng 14 tuổi và 10 tháng.

Con gái nhà trung-bình, vào quãng 14 tuổi và 5 tháng.

Con gái nhà giàu-sang, vào quãng 13 tuổi và 8 tháng.

So sánh con nhà giàu, kinh-nguyệt có sớm hơn con nhà nghèo đến 14 tháng.

Kinh-nguyệt khác thường

Mỗi tháng có kinh một lần là sự thường. Nhưng cũng có người bất-thụ khác thường :

1. Chưa chồng mà có kinh vài tháng, tự nhiên không có nữa, đến ba bốn năm, không phải uống thuốc gì, tự nhiên lại có, gọi là « kinh nghỉ ».

2. Có người cứ hai, ba tháng mới có một kỳ.

3. Có người cứ một năm mới có một kỳ.

4. Có người cả đời không có kinh, mà cũng có mang, có sinh đẻ. Những người đó, tựa như kinh không thông, nhưng chỉ khác rằng không hơi có bệnh gì cả.

5. Có người có mang rồi mà tháng nào cũng thấy có kinh, sau sinh con cũng không việc gì.

6. Có người có thai vài ba tháng, bỗng nhiên rong huyết, mà thai không can gì.

Đó đều là « kinh nguyệt lạ thường », dấu hiện bấy giờ không can gì, nhưng cũng vì nguyên-khí của người đó có phần sai lạc độ thường, nếu không tìm cách làm cho tạng phủ điều hòa lại, chắc không có sự hoàn-toàn thọ-mạnh được.

Kỳ hạn có kinh

Kỳ hạn có kinh, cứ đại-ước 27, 28 ngày một lần. Khi có chừng 3 ngày rồi sạch, là mực thường, nhưng cũng có người rong 6, 7 ngày mới sạch.

Cả đời người đàn bà có kinh chừng 30 năm, nên có sớm thường lại thôi sớm; có muộn thường sạch muộn. Nhưng cũng có người thân-thể gầy còm, lắm bệnh, lắm tật, cũng sạch sớm hơn. Ngoài 45 tuổi đến 50 tuổi trở về sau, bấy giờ lại có người sinh ra cả dàu rìa nữa, mất cả cái vẻ xinh, vẻ đẹp

Kinh nguyệt không thông, thường hay sinh bệnh, nhưng cũng có người vì kinh nguyệt không thông, mà lại quay lên thổ huyết đồ máu mũi, sinh ba, chảy máu, đó là « *kinh chạy ngược* ».

Khi có kinh-nguyệt nên cẩn thận

Đang khi có kinh, toàn thể các bộ phận sinh dục đều đầy những huyết, huyết chảy ra ngoài thì máu toàn thân đều thay đổi, hơi trống hờ ra cả, không đủ sức chống lại với các vật ngoài; nếu không cẩn thận một tý thì cảm nhiễm rất chóng, có khi làm thành bệnh tật, hoặc có người đến trọn đời không sinh nở nữa, nên cần phải chú ý lắm, chớ có coi thường; làm làm, cất nhắc, đi lại vừa phải thì không can chi, nhưng chớ làm làm nhọc mệt quá, (đến nỗi thân thể phát nóng nực lên) như múa, nhảy, lên núi cao, đi bộ đường trường.

Chớ động đến tình cảm quá độ, như vui mừng quá, thương xót quá, giận dữ quá, lo sợ quá, cùng là xem tuồng, xem kịch hay nghe những lời khóc lóc, xót xa, dễ động cảm tình, đều không nên.

Chớ ăn uống quá độ, chớ uống rượu và ăn thức cay nóng.

Chớ đi đứng nằm ngồi nơi lạnh quá dễ cảm, không nên ngâm rửa chân trong nước lạnh. Khi có kinh, vợ chồng chớ giao tiếp, dễ sinh băng huyết.

Tóm lại khi có kinh cốt yên nghỉ. tĩnh dưỡng thân thể là phải.

Hễ thấy sự gì khác thường, nên tìm thầy thuốc chữa ngay chớ có coi thường hoặc dấu diếm không chịu nói ra; phải biết rằng bộ phận sinh dục của phụ nữ là một phần quan trọng, phải nài những sự hoang dâm xằng bậy đầu mà thẹn, lỡ khi thấy sự khác thường chớ giữ thói hạng tầm thường, cứ hay hồ thẹn, mà không chịu kể ra kỹ lưỡng, dễ rồi hại đến cả một đời.

Phép trị bệnh về huyết của đàn bà con gái

Các chứng bệnh thuộc về huyết của đàn bà con gái thường dùng bài *Tứ-vật* làm cốt, bài đó là *địa-hoàng, thực-rượu, xuyên-khung, xuyên-quy*.

Phàm thấy có huyết đọng đau một chỗ, thì nên dùng thứ *thực-rượu* củ hơi đỏ, chớ dùng thứ củ trắng.

Huyết nóng dùng *sinh-địa*, chớ dùng dùng *thực-địa*.

Bệnh về kinh-nguyệt

Kinh nguyệt cứ thường 28 ngày lại có một kỳ.

Nếu chưa đủ 28 ngày đã có, là huyết nóng, nên hay có sớm,

Kinh ra sớm, trước kỳ

Khi kinh ra *sớm*, nghĩa là *trước* cái kỳ hạn thường có. Cứ xem thấy ra huyết nhiều, sắc đỏ thẫm mà đục là thừa sức nóng quá, dùng bài « *Tứ vật* » thêm *hoàng cầm*, *hoàng liên* giải mát đi.

Nếu nóng quá mà người đó bình, khí yếu thì dùng *Tứ - vật* thêm *địa cốt*, *đơn bì*.

Nếu huyết nhiều, mà không thấy hiện chứng nóng, thì dùng *tứ-vật*, thêm *cống giao*, *lá ngái* cho cầm lại.

Huyết nhiều, vì bộ máy tiêu hóa nóng, thì không ăn được, dùng *tứ vật* thêm *hoàng cầm*, *bạch-truật*.

Huyết ra nhiều mà có từng hòn, từng cục, sắc tím, dẻo đặc là trong có huyết ứ đọng lại, dùng *tứ-vật* thêm *đào-nhân*, *hồng-hoa*, phá tan đi.

Kinh ra trước kỳ, mà thấy ít huyết, sắc nhợt nhợt mà trong là nóng mà thuộc hư, yếu không đủ sức cầm vững mạch máu cho đúng kỳ hạn, dùng *hoàng-kỳ* 10, *quy thân* 5, bổ cho khỏe sức lại. Nếu yếu quá nên dùng *tứ vật* thêm *chính sâm*, *hoàng kỳ*.

Nếu ra huyết ít, mà sắc đỏ, là nóng quá mà huyết đình trệ lại, dùng bài *tứ-vật* thêm quả nghệ vàng, củ-gấu, *đơn-bì*, *huyền-hồ*, *hoàng-cầm*, cho thông ra.

Muốn trục ứ-huyết, không gì bằng uống xuyên-khung và quy-vĩ nhiều.

Kinh ra chậm trễ

Kinh ra chậm trễ là sau khi quá hạn 28 ngày mới ra, vì huyết đình-trệ không thông. Thấy sắc huyết ra tím mà nhiều, bụng đau, đầy bụng, là khí thực, huyết nhiều đình trệ ứ-đọng lại, bệnh đó vì thừa huyết, dùng *tứ-vật* thêm *đào-nhân*, *hồng-hoa*, *hương-phụ*, *nga truật*, *quế-tâm*, *cam thảo*, *mộc hương*, *mộc thông*.

Nếu quá kỳ mới thấy kinh, mà sắc nhợt, huyết ít, không đau đầy chi cả, là chứng hư yếu, dùng *tứ-vật* thêm *chính sâm*, *hoàng kỳ*.

Nếu quá kỳ không thấy có kinh, mà chắc là không có mang, cũng không đau đầy, người coi mảnh yếu lắm, thế là vì huyết cạn quá, không còn thừa mà ra nữa, nên dùng bài *Dưỡng - kinh* (xem quyền thứ tư).

Khi có kinh, phát sốt

Có khi có kinh nguyệt, hay phát sốt, hoặc sốt từng chiều, hoặc sốt từng cơn, nếu phát trước khi có kinh là tại huyết nóng; phát sau khi có kinh, là huyết nóng thuộc « *hư* ».

Khi có kinh thấy nóng sốt luôn cơn không ngớt, hiện các chứng ở ngoài vào, mình có mồ hôi là cảm gió, dùng tứ-vật thêm quế-tâm, cam-thảo.

Sau khi có kinh rồi, mới phát sốt là huyết hư, nóng trong dùng tứ-vật thêm hoàng-kỳ sống, địa-cốt-bì. Nếu không ăn uống được là tiêu hóa kém, mà bộ phận hải-tiết nóng, dùng bài tiêu-dao.

Khi có kinh, đau mình

Khi có kinh, nóng rét đau mình, hiện các chứng ở ngoài là cảm, dùng tứ-vật thêm khương-hoạt, phòng-phong. Nếu không hiện chứng ở ngoài, thì là huyết ứ trệ, dùng tứ-vật thêm khương-hoạt, quế-tâm, tần-giao.

Nếu có kinh sạch rồi, hoặc huyết ra nhiều quá là huyết hư không đủ nuôi các cơ thể, nên dùng thực-dược, quế-tâm, đại táo, gừng tươi, hoàng kỳ, sắc lấy nước, rồi bỏ kẹo mạch-nha đun cho chảy ra mà uống ngày ba chiều.

Khi có kinh, đau bụng

Trước khi có kinh đau bụng là khí huyết đình trệ lại, cứ xem đầy nhiều, đau ít là khí trệ ngăn đón huyết lại, dùng ô-dược, sa nhân, huyền hồ, cam thảo, mộc hương, hương phụ, bình lang. Nếu mà đau nhiều, đầy ít là huyết động làm ngăn trở khí, dùng ô-rược, tam lăng, nga truật, đơn bì, quế chi, huyền hồ, lưu ký nô, qui vĩ, thực-rược, sinh địa.

Kinh ra nhiều quá, dạ con trống ra bị lạnh, hoặc vì bị lạnh làm cho kinh quá kỳ không ra được, hiện ra chứng bụng con đau lạnh xem đúng là người yếu sức, tạng lạnh lòng xuyên khung, xuyên quy, thực-rược, cam thảo, chính sâm, mạch môn, cố-giao, đơn bì, bán hạ, quế-tâm, ngô thù.

Nếu trong dạ con vốn không phải là yếu, chỉ bị gió lạnh lọt vào nên làm cho đau bụng con, thì dùng xuyên quy, cam thảo, mạch môn, đơn bì, bán hạ, quế-tâm, ngô thù, phòng-phong, cao bản, hương tân, can khương, phục linh, mộc hương.

Khi có kinh, phát thổ tả

Cứ khi có kinh, lại đi tuột là bộ phận tiêu hóa tỳ hư kém, dùng tứ-quân thêm ý dĩ, liên nhục, biền đậu, sa nhân, hoài sơn, cát cánh.

Đi trong lỏng như phân vịt, nước đi dằng nước, bã đi dằng bã, đau lạnh, ta vì trong dạ có khí ẩm thấp lạnh lẽo, dùng bài lý trung,

Đi ngoài khát nước, là hư mà thuộc nhiệt dùng tứ-quân thêm cát-căn, hoặc hương, mộc hương.

Có kinh thấy thổ oẹ ra đờm rãi hay nước, là tỳ hư, không tiêu hóa mạnh, trong dạ dày có hơi ẩm ướt bốc lên dùng bài lục-quân hêm hoặc hương, sa nhân.

Khi có kinh lại thổ ra huyết

Huyết chạy càn chạy ngược lên thành thổ huyết, trước khi chưa có kinh thấy đồ máu mồm, đồ máu mũi là trong nóng quá tắc lại, vọt lên, dùng *tứ-vật* thêm *đại-hoàng*, *hoàng-cầm*, *hoàng-liên*, cho rút bớt nóng đi. Sau khi có kinh rồi, mới thấy đồ máu mồm hay đồ máu mũi dẫu vẫn cũng là nóng nhưng không nên công hạ quá nữa, chỉ nên dùng bài « *tê giác*, *địa-hoàng* » giải mát đi thôi.

Hai chứng đó đều có thể dùng lá màn-tươi, lá hẹ, giã vắt lấy nước hòa với nước tiểu trẻ giai đụn nóng mà uống, rất có công-hiệu.

Đàn bà đang khi trẻ tuổi, thường bị chứng thổ huyết, cứ theo phép mà điều trị cho lưu thông như thường, cũng không cần gì.

Chớ coi ngay là chứng ho lao, mà cứ bỏ giữ chặt lại đến nỗi thành ra cổ-tật.

Trước khi có kinh. đi ngoài ra huyết

Chứng này là vì kinh huyết bật ra, chạy sai đường, vào ruột già, dùng *sinh địa 5*, *bạch thược 5*, *quy-thân 5*, *chính sâm 3*, *bạch-truật 5*, *mạch-môn 5*, *kinh-giới sao cháy 2*, *thăng-ma 1*, sắc uống luôn hai thang

Nếu không phải gần kỳ hạn hành kinh mà đi ngoài ra huyết nhiều quá, tinh thần kém cỏi, người tiêu hao gầy còm, là nguyên khí hư yếu, không giữ vững được chân huyết; dùng *hoàng-kỳ sống 10*, *hoàng-kỳ chích mật 10*, *quy thân 3*, *cống truật sao đen 5*, *đỗ trọng 2*, *kinh giới sao đen 2*, *gừng tươi sao đen 2*, *quần trọng đốt cháy 2*, uống luôn 5 thang là khỏi.

Khi có kinh nguyệt cần điều trị cho đúng phép, nếu lỡ sai lầm, dễ sinh các bệnh, nếu khi có kinh bị sự kinh sợ quá thì khí huyết rối loạn dần dần tắt đi không ra nữa, hoặc chạy ngược ra đằng mồm mũi. Làm nhọc quá sức, sẽ sinh chứng nóng yếu, hoặc đau rức. Nếu uất dận thì khí bốc lên, làm cho huyết đình trệ lại ở từng bộ phận trong mình, đến ngày có kinh thì đau nặng hơn; kinh

sạch rồi lại yên ; nếu dân bức quá thì bại đến mạch máu từ gan, làm thành ra chóng mặt, âu thổ, có khi huyết chẳng đi theo độ thường, đến nỗi đả địa không sạch, mới thành ra các chứng băng, lậu, bạch đới v. v... Khi trị cần xét những căn-nguyên đó.

Kinh nguyệt bí tắc

Kinh bí tắc lại không ra, có mấy đều khác nhau như sau này :

1. VỊ LẠNH. — Lạnh kết đọng lại, làm cho kinh huyết tắt đi, hàng mấy năm giờ. Cửa dạ-con bị khí lạnh bí tắc, không thông đi được, hiện chứng đau gò trong cửa mình, bụng dưới sợ lạnh, đau lạnh giằng quanh cả rốn sang đến sống lưng ngang lưng ; huyết xấu chính lẽ phải tiêu tiết ra mà lại không ra được, kinh không ra nữa, vẫn không phải là chữa, mà bụng cũng to ra, là vì huyết bị lạnh tích lại.

Chứng ấy nếu thấy kèm có nhiều chứng cảm gió lạnh ở ngoài thì dùng vĩ-quy, cam-thảo, mạch-môn, đơn-bì, bán-hạ, quế-tâm, ngô-thù, phòng-phong, cao-bản hương-tân, can-khương, phục-linh, mộc-hương.

Nếu thấy nhiều chứng ở trong thì dùng hồ phác tốt, tam-lăng, nga-truật, lưu-ký-nô, thực-rượu, sinh-địa ; đơn-bì, quế-tâm, ô-rượu, huyền-hồ. các vị đều nhau, đem năm vị bỏ vào nồi, lấy 1 cân đậu đen, nửa cân gừng-tươi thái mỏng, dầm thanh bốn bát, bỏ cả vào nấu, thấy đậu rừ thì đem ra sao khô, mới bỏ 5 vị sau cả vào cùng tán thành bột, cứ mỗi khi uống chừng 10 grammes, uống với rượu nóng. Hai cách đó là trị chứng kinh trệ vì lạnh bí tắc ở dưới mà thành tích huyết.

2. VỊ NÓNG. — Khi kinh-nguyệt bí tắc không thông xuống được, lại quay bốc lên mạch máu của gan hiện ra nóng rét vầng ù tai, buồn bầy, bất rất, hay giận gắt đau tức xóc lên, trị cần rút bớt sức nóng trong mạch gan, dùng viên long-hội thêm đào-nhân để công hạ đi, thì kinh thông ngay. Sau uống bài « tiêu-dao » thêm đơn-bì, chi nhân, đào-nhân để điều-hòa lại.

Có khi kinh bế, khí nóng trong dạ-con theo mạch sung và mạch nhâm bốc lên, làm cho vầng đầu, đỏ mặt, cổ hầu không thông. phát sốt, khát nước, ho sọc, thổ xuyễn, đó là khí nóng bốc lên mạch dạ dày mà sinh ra thế cần phải trị ngay, từ dạ-dày xuống cho khí nóng khỏi bốc sòng lên, thì kinh thông ngay dùng bài « tứ-vật » hợp với bài « lương-cách » nếu đại tiện không thực, thì bớt đại-hoàng, phác tiêu đi ; bằng người hình khí yếu, không tiện sự công trị, thì dùng thạch-cao, tri-mẫu, sinh-địa, mạch-môn, ngư-tất, đào-nhân.

3. Kinh bế vì chứng thực.

1. Đàn bà kinh không thông, bụng con to ra, tiểu tiện đi hơi khó mà không khát, đó là hơi nước với huyết kết lại ở nhà con, dùng đại-hoàng 2, cam toại 1, cống giao 3, sắc lấy 1 phần 3, rồi uống cho vừa hạ, vừa nhuận đi.

2. Có khi bị cảm gió lạnh, kinh liền tắt đi : đẩy chương lên hai sườn và ngực rần như chứng kết rần ở lồng xương ngực ; nói nhầm là : vì nóng vào dạ con, dùng bài « *tiểu sai hồ* » làm chủ.

3. Có khi kinh bế không thông, dạ con mới đình trệ lại thành cái tích khô rần, vì trong dạ con có máu đọng khô lại, khí ẩm nóng nực hư hoại biến hóa ra vật trắng (thường hay gọi là khí hư huyết bạch) ngoài dùng phèn phi 3, hạnh nhân 1, tán mịn luyến mật làm viên bằng hạt táo. đem nhét vào trong cửa mình, chứng nặng thì lại nhét đổi viên này sang viên khác ;

Trong dùng thỏ-quả-cần, thược rược, quế chi, thỏ miết, hoàng bá, phòng-kỷ mà trị.

4. Lại có khi bụng dưới đau thắt, đi đại tiện ra đen, tiểu tiện không thông lợi, vì huyết muốn ra, mà không xuống thẳng được, nên dùng đại-hoàng tẩm rượu 1, nga truật 1, vẩy tê tê sao 3 miếng, hồng hoa 1, đào nhân 3, đơn bì 3, vĩ quí 3, ngư tử 2, rạ minh sa 3, sắc uống hay dùng xuyên khung 1, vĩ quy 3, thược rược 2, đào nhân 3, hồng hoa 1, đơn bì 3, hương phụ 3, ngũ linh chi 3, huyền hồ 2, ô rược 2, chỉ xác 1, cam thảo 1, sắc uống cũng được.

4. Vì hư mà kinh bế.

1. Con gái chưa lấy chồng còn ít tuổi, khí huyết chưa đầy đủ hẳn có kinh vài tháng, rồi lại tắt đi, không thấy có kinh nữa. Nếu không thấy hiện chứng gì khác khó chịu, thì không cần gì, đó là huyết chưa đầy đủ thật đó thôi, một năm hoặc năm bảy tháng rồi lại thấy. Bằng thấy tắt kinh mà hiện thêm chứng hư yếu, hình khí hao mòn, là vì huyết khô kiệt, nên kinh tắt thành hao, nóng trong xương ra, da thịt nóng, nét mặt khô bạch, hai gò má đỏ hồng, không muốn ăn uống chi cả, da khô gầy còm, ho hắng, suyễn thở, chứng đó cần đại bổ chân huyết cho chóng sinh ra, thì các chứng mới lui đi được.

Dùng chính sâm 2, sinh địa 25, mạch môn 10, cống giao 3, chi ma 3, chích thảo 4, đại táo 3, quế tâm 3, gừng tươi 3, sắc nước uống.

2. Đàn bà, con gái vì nghĩ ngợi không được như ý, trong lòng

uất ức, làm cho tiêu hóa kém sức, không muốn ăn uống nhọc mệt, ít ăn thì huyết ít đi, huyết là chất mát trong mình, huyết ít thì nóng trong, càng nóng càng hư, da thịt còm ráo, tiêu hao, chứng này khó chữa lắm, dùng bài « quy tỳ » làm cốt.

3. Có khi nóng quá bốc lên phổi, làm cho phổi yếu sức đi, không thể thay đổi được các chất xấu đưa ra ngoài, bao nhiêu hơi nước đọng cả lại trong lòng, các nước màu đều hóa hết ra làm đờm, ho mãi không khỏi, lâu ngày thành lao, thành ra suyễn thở không thể trị được nữa, dùng bài « bát tiên » thêm chính sâm, táo nhân, chung nhũ, hoặc bài « bồ tâm » bài « thanh táo cứu phế » cũng được chứng suyễn thở ấy dùng sa sâm, mạch môn, ngũ vị, sinh địa, bạch linh, cam thảo, ngọc trúc, biển đậu, lá dâu, cũng hay.

4. Có khi vì sảy huyết ra nhiều quá, nét mặt và ngón tay đều nhợt nhạt vàng bạch cả ; huyết đã thoát ra ở trên, còn có đầu chày xuống dạ con để làm kinh huyết nữa cần làm cho khỏi thổ máu mồm, máu mũi, huyết cứ đi thuận xuôi xuống, rồi bồi bổ vào, thì huyết sinh ra, mà khí cũng thuận xuống ; thế thì kinh thông ngay, dùng tứ vật thêm ngư tấu, chỉ xác, tóc đốt cháy, nước tiểu trẻ, phục linh, cam thảo, cố giao.

5. Có khi vì dâm dục quá độ, tinh huyết khô ráo kiệt đi nên kinh phải tắt, dùng bài tả quy, hoặc sinh địa, thiên môn, chính sâm cũng được.

6. Có người vì sinh nở nhiều lần nuôi sữa cho nhiều con quá, tổn hại chân huyết, trước kinh ra ít, sau dần tắt đi thành ho, thành yếu dùng tứ vật thêm chính sâm, hoàng kỳ hoặc bài thập toàn đại bổ để bồi bổ lại.

Gái lớn chưa chồng, Đàn bà hóa chồng.

Người đi tu, không chồng, bị kinh bế tắc

Phải chữa cách khác, chớ không theo như lối thường được.

Nếu xem thấy mạch đi son trắng ra ngoài thốn-khẩu (cổ tay) chắc rằng trong lòng có sự không được như ý, bệnh về đẳng thần chí ; cần biết thế thì mới có thể trị được các bệnh kinh nguyệt của đàn bà con gái, nếu không biết thì không sao xét được, các bệnh trạng vì thần chí bọ rối loạn khó thể gọi tên ra.

Phạm gặp chứng đó, nên hòa huyết, giải uất, mới có thể thấy công hiệu.

Con gái chưa chồng, kinh bế tắc phần nhiều vì khí huyết kết đọng lại, dùng đại hoàng 1, hoàng cầm 2, cam thảo 1, đào nhân 3,

hạnh nhân 3, thực rước 2, lá sơn đốt cháy 1, con ruồi mòng 1, tê tê 3 vẩy, thỏ miết 2, lá đất 2, sinh địa 2, các vị trên phải theo phép bào chế rất kỹ, sẽ đem luyện mật làm viên bằng hạt đậu con, ngày uống 3 lần, mỗi lần 5 viên, uống với rượu.

Nếu người đó yếu ớt, không chịu nổi công hạ, thì dùng lá màn tưới, vĩ quy, cam thảo, thực rước, (củ đỏ), sắc nước uống, và dùng bá tử nhân, lá màn tưới, ngư tử, tục độn, sinh địa, quyền bạch, làm viên, vừa uống thuốc nước, vừa uống thuốc viên, lâu dần huyết tự có ra.

Đến như người hóa chông, người đi tu, bị chứng kinh bế tắc, phần nhiều là vì uất nhiệt, dùng bài *tiên dao* thêm màn tưới, củ gấu bễ (hương phụ) đơn bì, củ nghệ, quả dành sao đen, hoàng cầm, sinh địa để hòa giải khí uất, thì kinh tự nhiên thông ra.

Băng huyết, rong huyết

Không phải chính thời kỳ có kinh mà huyết lại chảy ra, là băng huyết, hay rong huyết.

Huyết ra ít gọi là rong, ra nhiều gọi là băng.

Khi có kinh mà ra huyết nhiều quá độ thường, như nước chảy lao láng, cũng gọi là băng.

Khi có kinh ba ngày rồi, mà huyết vẫn còn rỉ rả mãi không sạch dất, cũng gọi là rong.

Chứng băng hay rong đều vì tia máu ở trong bật ra, nên mới chảy ra như thế. Muốn biết vì có gì mà đến nỗi làm cho mạch máu đó bật ra ? Cần phải xét mấy có sau này :

1. Vì huyết ứ đọng lại, 2, vì nóng quá phá ra, 3, vì hư hỏng mà đứt ra.

Trị chứng này nên xét kỹ nguyên nhân tùy chứng mà trị cho cần thận, chớ theo cách mỗ mãng chỉ cứ đem nước bơm vào, rửa mãi, dẫu sạch lúc bấy giờ, và máu gặp nước thì đông đọng lại ; nhưng sau tất có hại, sẽ đau nhà con sinh chứng khó khăn.

1. Thấy mới phải chứng băng, mà ra huyết nhiều thành hòn tím đen, bụng sườn đau chướng là vì huyết ứ đọng lại lâu rồi băng ra, dùng vĩ quy, sinh địa, thực rước, đơn bì, quế tâm, ô rước, huyền hồ, tam lăng, nga truật, lưu ký nô, các vị đều nhau, sắc uống với rượu, uống lúc đói, cho phá hết ra, sau rồi sẽ điều chân khí huyết lại.

2. Nếu chỉ rong huyết ra ít ít, thế là huyết đình trệ vừa vừa thôi,

dùng « tứ vật » thêm hương phụ chế, hồng hoa, đào-nhân, cho phá ra một phen, rồi sau cũng phải điều bổ lại.

Hai chứng trên này xét quả thiệt là người vốn khỏe mạnh mà có, « đau chướng » sẽ nên trị như thế.

3. Nếu vì lam làm nhọc mệt quá, hoặc lo toan, nghĩ ngợi quá, không ăn được, tỳ hư, mà thành băng, nên dùng bài « quy tỳ » thêm lá ngải, cống-giao, đất lòng bếp.

4. Nếu vì khí uất mà thành băng, thì thấy rức đầu, chóng mặt, miệng đắng, bụng đầy, lại hay giận gắt, mạch son thẳng mà mau chứng ấy người vốn tỳ hư dùng quy tỳ thêm đơn bì, chi tử, sài hồ, bạch thược, mạch môn, ngũ vị, vừa bổ tỳ, vừa hòa giải uất khí ở mạch gan.

Nếu người không hư yếu mấy, dùng bài « tiêu dao » thêm đơn bì chi nhân, vỏ hầu, bồ hoàng, cống giao.

5. Người vốn nóng quá bị chứng băng, dùng qui-dầu, sinh-địa, bạch-thược, tri-mẫu, hoàng-bá, băng nóng vừa thì dùng quy-dầu, sinh-địa, bạch-thược, hoàng-cầm, kinh-giới để giải mát đi.

6. Bị chứng băng hoặc rong huyết lâu ngày rồi, thì khí huyết kém cả, các mạch máu trong dạ-con hư-hỏng nhiều chỗ, nên dùng ngay bài dưỡng-vinh thêm cống-giao, tục-đoạn, đỗ-trọng, thăng-ma, tác-nhân, thán-khương.

7. Có người huyết băng, hai mắt tối sầm ngã lăn ra, không biết gì nữa, là vì nóng bốc lên, dùng sinh-địa 10, bạch-truật sao cháy 10, hoàng-kỳ 3, chính-sâm 3, quy-dầu 2, gừng khô sao cháy 3, sắc nước uống. Nếu băng đến vài ngày, huyết ra nhiều quá, mạch coi không thấy nữa, chỉ trong mũi còn thở thôi, thì không nên cho uống bài đó, vì có phần chậm trễ, dùng chính-sâm 3, sắc nước hòa than củ-láng quán-chúng uống nhiều thì hiệu.

8. Có người vấp ngã bị thương, đến nổi huyết băng, tay ấn vào chỗ bị thương thấy đau, nên dùng sinh-địa, đại-hoàng, thược rước đỏ, quy-bản, quy-vĩ, chỉ-xác, đơn-bì, đào-nhân, sắc trắng sẽ khỏi đau.

9. Có người cứ hể khi giao-hợp với chồng, thì huyết cứ chảy ra mãi, là vì trong dạ-con, các mạch máu nóng quá, dùng sinh-địa, huyền-sâm, mạch-môn, sa-sâm, đơn-bì, địa-cốt, bạch-linh, xa-tiên, bạch thược, ngũ vị, kinh-giới, thán-khương, thạch-hộc, hoàng-bá, sắc uống 5 thang sau tán mật luyện mật làm viên, ngày hai buổi, lúc đói uống chừng 20 grammes với nước nóng; cần phải kiêng sự giao hợp hơn 3 tháng, mới có thể chữa được, uống thuốc chừng

nửa năm thì khỏi hẳn. Khỏi rồi cũng thường gia tâm điều hòa khí huyết, kiêng ít sự tình dục, mới khỏi phát lại, rồi thành chứng hư-lao, chứng này chớ có nghe người dùng thuốc rửa và đồ ngoài, càng trị ngoài nhiều càng chóng hỏng, chóng chết.

10. Có người vừa băng, hoặc rong huyết, lại vừa đi ngoài, mỗi ngày đi tả ra những nước vài ba lần, là trong máu có nhiều chất ẩm ướt, nếu người đó, hình khí không yếu ớt lắm, dùng quy-dầu, hoàng-kỳ, cam-thảo, thăng-ma, sài-hồ, xương-truật, khương-hoạt, độc-hoạt, cao-bản, mãn-kinh, phòng-phong có ý dùng những vị ráo này để trị bớt khí ẩm ướt ở trong đó. Nếu người hình khí hư yếu thì thêm chính-sâm, và trần bì.

11. Khi băng huyết mà đau bụng quá, nên xem bụng con thấy rồi từng hòn, ấn tay vào thấy đau, huyết ra đỏ tím có từng cục là huyết ứ đình trệ lại không tan, dùng bồ-hoàng và ngũ-linh, hai vị ấy đều nhau, tán mịn, đem dấm thanh trộn vào thuốc bột đó long lỏng, rồi canh thành cao lại đổ vào 1 chén nước, sắc lấy 2 phần ba, uống trước khi ăn cơm.

12. Nếu thấy bụng con muốn bóp, mà huyết ra nhờn nhợt là vì huyết trong hao tán, không còn gì để nuôi đỡ lấy dạ con, nên đau như dao cắt, mà vẫn muốn chườm bóp, dùng mo cá mực tán mịn, trộn dấm thanh cũng canh như trước mà uống.

13. Chứng băng hoặc rong huyết nhiều quá, uống các thuốc bổ hoặc tiêu điều không thấy công hiệu; dùng ngọn sừng bò chẻ bỏ vỏ ngoài đi, lấy cái dầu nhọn ở trong, đốt cháy còn tinh, nghiền nhỏ, lúc trời sáng sớm, uống với rượu, độ 10 grammes bột đó rất hay.

14. Người ngoài 50 tuổi mà bị chứng huyết băng rất là khó trị, dùng hoàng kỳ sống 10, đương quy 5, củ tam thất tán mịn 3, lá dâu 24 lá, sắc nước uống, 5 thang cầm được, sau dùng sinh địa, chính sâm, mạch môn, ngũ vị, hải sơn, uống luôn hơn một trăm chén mới có thể lại được.

Phạm chứng băng nên dùng ít quy, vì nó có tính nóng trơn chảy, sinh ra nhiều huyết, người xứ lạnh uống không can hệ mấy, người xứ nóng đã vì nóng mà băng, lại vì thêm quy vào, cay nóng, sinh huyết, càng chảy ráo mãi ra, khó lòng giữ lại được. Vậy nên khi cần dùng trị chứng băng, thì chỉ nên dùng ít thôi, trừ chứng vì ứ huyết đọng lại còn đều nên dùng đầu quy rồi sao khô cả.

Các vị thuốc trị băng, đều nên sao cháy xém, vì có thể mới tiêu được huyết và cầm lại được.

Kinh huyết rong mãi

Kinh nguyệt ra rồi, cứ rong rỉ dãi mãi không sạch dất, có mấy cơ khác nhau.

1. Khi vì có kinh huyết ra, mà vợ chồng giao hợp làm cho hư hỏng sây sát, bật tia máu trong dạ con, thấy bụng con đau, thì dùng ngay tứ vật thêm hương phụ chế, ô-rược, nếu không đau thì dùng ứ vật, cống giao, lá ngải sao đen, hoàng kỳ tẩm mật.

2. Có người vì khí yếu quá giao hợp rồi, huyết bị sụt sùi xuống bụng con muốn chườm bóp thức nóng, dùng tứ vật hợp bồ trưng.

Bạch đới

Ra rớt trắng (thường gọi huyết bạch, hay khí hư). Nguyên nhân chứng này vì khi có kinh-nguyệt rồi, khi sinh ít lâu, không giữ vệ sinh, giao hợp quá độ, hoặc khi nằm, khi tắm để hở trống ra, khí ẩm thấp lọt vào dạ-con, rồi tùy bản-tính tạng từng người nóng hay lạnh mà hóa ra, khi ra rớt trắng đó tức là cái dấu tỏ cho biết rằng ở trong nhà-con có bệnh đấy. Chảy ra rớt trắng, là phần nhiều, nhưng cũng có khi không có sắc gì, có khi vàng, khi xanh, khi đen, chất nó khi đặc, khi dẻo, khi lỏng; mùi nó khi hôi, khi tanh, khi không cần phải xét kỹ để tùy chứng mà trị.

Xét xem thấy chảy ra những chất hôi tanh là huyết hỏng hóa ra từ nhà-con chảy xuống, vì khí ẩm ướt trong mình, không tiêu tiết hóa tan đi hết, thành ra chảy xuống như thế.

Nên xem người gầy hay béo (mập): gầy thì phần nhiều vì nóng. dùng hoạt-thạch, phù-bái-thạch, xuân-bì, quy-bản, đốt thành than, làm viên uống với thuốc chén là xích-linh, trư linh, trạch tả, hoàng-cầm, hoàng-bá, hoàng-liên.

Người béo phần nhiều vì đờm ẩm, dùng hoạt-thạch, phù-bái-thạch, xuân-bì, xích-linh, bán-hạ, nan-linh, cáp-phấn, hương-phụ, xương-truật, xuyên-khung, làm viên uống với nước nóng.

Nếu thấy trong dạ con bụng dưới lạnh, đau là vì trong có khí ẩm ướt và lạnh, dùng bài tiêu-dao thêm quế-tâm, phụ-tử-chế, gừng khô-sao cháy, ô-rược, sa-nhân, phòng-kỷ, mộc-thông.

Nếu lâu ngày trơn chảy ra mãi, đều nên thêm thăng-ma để đưa lên, long-cốt, mẫu-lệ, xích-thạch-chi, để cho săn chặt lại.

Nếu thấy ra rớt trắng, đau dưới bụng con, lại thêm thứ nước loãng hôi ra liên-miên mãi, phải dùng khiên-ngưu, hoạt-thạch hoàng cầm, đại hoàng, tán mật làm bánh, chưng lên viên lại, tùy

người hình khí khỏe yếu mà cho uống nhiều hay ít, đó là trị chứng âm thấp nóng nực của người còn đang mạnh sức.

Có người vì khí huyết không vững, hay chảy ra thế, dùng hạt tơ hồng hạt hẹ, hạt cơm xôi, tồ bông ngựa, thồ phục, long cốt, mẫu lệ, xích thạch chi.

Tóm lại chứng bạch đới này, vốn là chứng khó chữa, nhưng khi mới phải chữa ngay, có người chỉ lấy hoa bạch đồng nữ sắc uống cũng khỏi.

Cốt nhất phải kiêng hẳn những vị ngon béo quá, kiêng ít giao hợp mới có thể khỏi được. Không thì cứ phải đi, phải lại thôi.

Tiểu tiện đục

1. Có khi đi tiểu ra trắng đục lờ lờ như mủ, là trong bong bóng nóng lắm, khéo trị, không có hay sinh ra mụn hiêm, dùng chính sâm, mạch môn, hoàng kỳ, bạch linh, xa tiền, hoàng cầm, địa cốt, hạt sen, tỳ giải.

2. Đi tiểu ra trắng mà buốt, là vì khí uất, thấy bụng con, không đau và ra huyết nhiều quá mà đau, đều nên dùng bài « dưỡng vinh » thêm hương phụ, vị này không khi nào bỏ, hoặc dùng bài « bồ trung » thêm hương phụ ; Nếu thấy bụng con đau thì dùng bài « tứ vật » thêm hương phụ ; ô rước, cam thảo.

3. Nếu trước đi đái trắng buốt, sau vàng, là sắp thành chứng đi đái rất ra huyết, dùng bài « bát trân ».

4. Đi đái rất ra huyết mà thấy đau bụng con dùng « tứ vật » thêm ô rước, hương phụ, cam thảo, nga truật, mộc hương, đề thông ứ huyết thì khỏi. Nếu đi tiểu nhiều mà bụng không đau ăn uống được, dùng bát-trân thêm cầm, liên, hoặc bồ trung thêm hoàng-bá, bằng ăn uống ít kém, thì chớ dùng cầm, bá, liên.

5. Đi đái rất ra đống cấn như cát, phải phân biệt trắng và đỏ khác nhau : ra trắng trừ có chứng thực sẽ dùng những vị đắng lạnh nếu còn thấy chứng hư nên dùng *Dưỡng vinh* để ôn bổ lại.

6. Còn chứng đái đỏ đống cấn, chớ cho uống vị nóng, nên dùng bát trân, bồ truật thêm cầm, liên, hương phụ, lỡ dùng ôn bổ, chắc thành ráo khát, uống nhiều sinh đầy thũng ; nên dùng tiêu-dao thêm cầm, liên, chỉ xác, hậu phác, trạch tả, trần bì. trị đầy thũng trước, rồi trị huyết sau.

Chứng đi tiểu ra huyết, mà không buốt

1. Vì no say quá mà giao hợp hoặc giao hợp nhiều quá mà sinh ra, dùng bồ trung.
2. Vì uất dận dùng tiêu-dao thêm tóe đốt cháy.
3. Vì ăn nhiều thứ nóng, dùng thanh-vị thêm hoa hòe.

Sự sinh-dục

Con giai 16 tuổi trở đi, thì tinh khí lưu-thông, con gái 14 tuổi trở đi, thì huyết đã mạnh xảy ra. cái thời-hạn đó là nơi khi tinh-khí (tinh trùng) của con giai và buồng trứng của con gái đã bắt đầu đến ngày thành thực, là cái thời-kỳ xuân-tình mới bắt đầu phát-động đó.

Nhưng nếu con gái mới bắt đầu đến tuổi có kinh nguyệt, đã gần gụi với con giai giao hợp ngay, thì khí âm phát tiết ra ngoài sớm quá, cái bộ phận sinh-dục mới bắt đầu thành, chớ chưa thực đến ngày hoàn-toàn, chắc chắn mà đã động chạm đến sớm quá, tất có phần tổn hại, cũng ví như cái hoa rưa-tây mới nầy nụ, má đã đem chấm cái nụ đực vào, không những không được kết quả, mà có khi thui cả nụ nữa.

Vậy cứ theo tôi đã kinh-nghiệm nhiều người có thể lược định ra rằng: Xứ ta con gái cứ sau khi bắt đầu có kinh-nguyệt 4 năm, và con giai từ 20 tuổi sẽ nên gả chồng, lấy vợ, vì khi ấy huyết âm dương mới thực đầy đủ, chắc chắn giao hợp mới khỏi hai đến sức sinh trưởng, mới mong có thai, có thai khi ấy mới chắc rằng nuôi được, mà con cái mới khỏe mạnh sống lâu, không thế thì dẫu giao hợp mà không có thai, có thai mà cũng không chắc có nuôi được, có nuôi được rồi cũng yếu ớt không ra gì.

Sự giao-hợp chính đáng là cố mong có sinh-dục, muốn được có kết quả tươi tốt tất phải biết điều sau này :

1. TRỪ GIỐNG, Hạt giống loài người, tức là tinh khí đàn ông. có chịu để dành tinh-khí cho tụ nhiều lại, thì mới mong có giống tốt được, vậy chớ vì sự ham mê xác thịt mà làm hao phí hoài đi.

Giao hợp mà không thành thai, phần nhiều vì tinh không đặc vì không mạnh ; cái cơ đó chỉ vì quá nổi say mê, hao tổn luôn luôn, thì tinh còn lấy gì cho đặc, cho đủ sức, mà chẳng loãng. Tinh không đủ sức, thì không thể bắn tới dạ con mà bèn vào buồng trứng được. Cũng ví như hạt giống lép làm gì cho mọc được mầm, bởi vậy nên

cần nhất là sự đề dành giống đó vậy.

2. SỮA-ĐẤT, Chỗ đất màu đề deo hạt giống loài người tức là huyết của đàn bà ; muốn deo hạt giống tất phải chọn chỗ đất nào nên giống hạt giống cho thích hợp, xem chỗ đất lệch về chất gì thì liệu mà sửa chữa lại ; đất khô quá ít màu giống không mọc được ; đất ẩm ướt quá, mỏng cũng thối đi.

Đàn bà gầy quá hoặc béo quá đều không thể sinh con được, vì như đất đã không hợp thì hạt giống tốt đến đâu cũng khó lòng mọc được. bởi vậy mà cần phải kén chọn đất tốt, sửa chữa cho tốt màu.

3. ĐÔI THỜI. Giống tốt, đất tốt, mà khi deo vẫn cần liệu cho phải thời, tinh mạnh, huyết mạnh mà khi giao cấu cần lựa cho thích hợp.

Cái thời kỳ giao cấu thích hợp ấy là :

Nói riêng về thân thể người đàn bà trong một tháng, thì cứ sau khi có kinh nguyệt đúng mực, đã sạch rồi, tất có một buổi, trong người bồn chồn, nóng nẩy rún rẩy như say, xem ra kiểu cách muốn giao hợp không thể nhịn được, đó chính cái thời kỳ tự nhiên đề làm ngòi cho sự thành thai, sinh dục đó, cái thời kỳ ấy, cũng như các loài đến nước thì kêu gào nhảy nhót hún hớn lồng quanh, vì cái sức sinh dục cảm xúc xui nên không thể yên được vậy.

Nói chung cả đàn ông, đàn bà trong một ngày, thì cứ ngày nào khi hậu ôn hòa, cả hai vợ chồng đều cùng mạnh khỏe giao hợp khi đó là thích hợp.

Nói về thì giờ, thì sự giao hợp về đêm là thích hợp, ai cũng đã rõ, nhưng trong một đêm đó cũng nên chọn có giờ thích hợp hơn ; tùy những nơi làm việc sớm muộn mà có khác, chỉ cốt là cứ sau khi đêm ngủ yên nghỉ được độ 5 giờ đồng hồ rồi thì hơn. vì khi đó là lúc tâm-thần yên lặng khí lực đang mạnh, chớ nếu đang lúc đêm thức khuya, vừa sắp đi ngủ và lúc đang mệt hay mới ngủ ít lâu, khí lực chưa hồi phục lại, những lúc ấy thân thể mỗi nhược, không nên giao cấu, mà dẫu có gắng gượng cũng không được ích gì.

Khi không nên giao hợp

Khi vợ hoặc chồng có bệnh.

Khi khí-giờ nóng quá, hoặc lạnh quá.

Khi đàn bà có kinh-nguyệt.

Khi đàn bà có thai 5, 6 tháng trở đi.

Khi mới đẻ chưa được 60 ngày.

Những khi ấy chớ nên giao tiếp, sẽ sinh bệnh nguy hiểm,

Sinh-dục còt tại tinh, huyết

Khi âm, dương của giai : gái hòa hợp với nhau là có con.

Phàm người ta mà không có con, chắc rằng một bên vợ hoặc chồng, tinh, huyết tất có bệnh ; nên phân biệt những chứng sau này :

Tinh. của đàn ông

1. Người nào tinh loãng ít, khí dương không vững.

Dùng Bóng-cá-thủ, thứ trắng tốt một cân, thái nhỏ, lấy bột vỏ bầu (mẫu lệ) sao phồng thành viên tròn, lại trộn sữa bò sao vàng, thì không dẻo dính nữa.

Sa-uyên năm lạng, tằm sữa-bò một đem, cách thủy đun hai giờ đồng hồ, đem ra phơi khô, dùng sao.

Ngũ-vị tằm mật sao. 2 lạng, rồi tán mịn, canh mật ong, thêm rượu ngon vào đun sôi, đợi mật sắp nguội luyện làm viên, chớ có già lúc còn nóng, thì dẻo dính khó viên, viên to bằng hạt đậu xanh, lúc nóng không uống với rượu hay nước sôi. mỗi lần 100 viên. Kiêng ăn các thứ cá và thịt trâu bò.

2. Người giàu sang, quen ăn cao-lương, thân-thể béo tốt, quá đường tình-dục, khí kiệt, tinh hổng, không có con.

Nên dùng chính-sâm, phục-linh đều 3 lạng ; lộc-nhung thứ lớn một đôi, tằm sữa sao lá dâm-dương-hoắc, cắt gai ngoài trộn với mỡ dê sao, đại-hồi bỏ hạt đi, trạch-tả tằm muối, xà-sàng tằm rượu sao, tua sen trắng rửa rượu, ngũ-vị-tử tằm mật, hư-căn-bì đều một lạng, quả xuyên-luyện bỏ vỏ, bỏ hạt, lấy thịt tằm rượu, ba lạng, mao-sơn-thương-truật, cạo vỏ tằm nước gạo, sao với dầu vừng (mè) ba lạng, quả-cau dùi trống, bảy lạng tằm nước tiểu, trầm-hương thực tốt, tán mịn, một lạng, (chớ cho vào lửa) hoàng-bá ba lạng, một lạng tằm với nước tiểu trẻ giai, một lạng tằm với sữa, một lạng tằm với nước muối, xong đem tán mịn cả, lấy bột hoài-sơn làm hồ, luyện đề viên bằng hạt-đậu, cứ lúc lòng không uống với nước muối nóng 200 viên khi đi ngủ lại uống với rượu 100 viên cứ uống mãi mãi, đừng hơi bỏ cách khi nào, bài này có ý nung đúc tinh khí cho được thuần túy đặc lại, mà lọc bớt chất âm thấp chất chứa trong mình, dầu rằng tuổi đã già rồi, uống mãi, cũng hay sinh dục được. Nhưng nếu không phải là người vốn hưởng sung-xương cao-lương, thân thể béo đầy, thì uống vào chẳng được ích gì.



3. Có người tinh lạnh loãng ít, dâm-dục quá độ, thận khí suy, dương không mạnh nữa, dùng cao ban-long 8 lạng, đem bột gạc hươu trộn sao thành châu, đỗ-trọng 3 lạng tằm nước muối sao, hoài-sơn sao, bạch-linh, thực-dịa, sơn-thù, đều ba lạng, ngũ vị tằm mật, ích-trí tằm muối, viễn-chi chế, xuyên luyện lấy thịt, ba kích chế sao rượu, bồ cốt chi, hồ lô ba, (hai thứ này bỏ vào nấu với quả cật-dê, cạn nước thì thôi, đem hơi khô) đều một lạng : trăm hương thực tốt, 5 đồng cân, bóng cá (ngư-phieu) 6 lạng, tất cả các vị tán mịn, đem nhục-thong-rong 4 lạng chế sạch bỏ vào rượu ngon nấu rừ già nát như hồ, đem canh với mật, luyện viên bằng hạt đậu, mỗi khi uống 100 viên lúc lòng không, uống với rượu, xong ăn thức gì ngon dễ lót dạ.

4. Có người chỉ sinh con gái, mà không sinh trai, là vì tinh tửy dẫn đủ, nhưng mạch « đốc » khí kém, dương khí không mạnh, cần phải đại bổ mạch đốc và khí, dùng 4 đôi lộc-nhung, 1 cân chính-sâm tốt, 4 lạng viễn chí, nửa cân thổ ty chế tán mịn, trộn với rượu ngon làm viên mà uống.

Còn các bệnh về đường tinh khí cần phải xem hư tổn từng thứ nào, mà theo phép chuyên môn trị về đẳng ấy.

Huyết của đàn bà

Đàn bà cốt kinh nguyệt điều hòa không bệnh, thì có giao hợp tất có sinh dục. Nhưng cũng có người kinh vẫn điều mà không sinh dục là có mấy cơ sau này :

1. Thân thể béo (mập) quá, nhà con bị mỡ lấp huyệt tị di-tinh không vào được, dùng nhĩ trần thêm thương truật hương-phụ chế (củ gấu) mỗi vị 1 lạng, thần khúc chính, xuyên khung đều 3 lạng, tán mịn, luyện mật làm viên, uống với rượu mỗi lần 100 viên, ngày 3 lần, nếu thấy tạng nhiệt, thêm hoàng liên, chỉ thực đều 2 lạng.

2. Người gầy còm quá, nhà con khô ráo, tinh khí không tụ vào được, dùng bài « bát trăn » thêm thổ-ty 4, tán mịn, luyện mật làm viên bằng hạt đậu xanh, uống với thang nước gạo.

3. Thường thấy bụng dưới đau lạnh, muốn chườm bóp vật nóng, vì nhà-con yếu sức lạnh lẽo không đủ sức hút lấy tinh khí vào ; dùng chính-sâm, quế-tâm, đỗ-trọng, quy-thân, hương-bậu, bạch-linh, can-khương, hương-tân, tần-giao, bạch-vi, đều 4 lạng cả ; phụ tử-chế 1 lạng, các vị đều theo phép chế kỹ, tán mịn luyện mật làm viên bằng hạt đậu xanh, lúc đói lòng không, uống với rượu 100 viên. Khi thấy có thai 2, 3 tháng thì thôi, chớ uống nữa. Kiêng thịt trâu, ngựa, sợ sau khó sinh.

4. Nhà-con yếu sức mà nóng nực, dẫu kết thành thai, nhưng không vững chắc, sợ tại hồng thai, dùng « Tứ-vật » thêm hoàng-cầm 3, hoàng-liên 2, sắc nước uống.

5. Vì thân thể yếu sức, dạ-con hư lạnh, biến sinh trăm chứng, sau kinh huyết không đều, có khi phát nóng rét, hoặc ra huyết nhiều quá, hoặc kinh tắc lâu ngày không thông, băng huyết lâu không khỏi, ra rớt trắng đỏ, bĩ tích kết khối, cắn rất ; đau rức bụng con tức đầy, sườn đau, lưng nặng, chân rùn, mặt vàng, ăn uống kém ít, dần thành lao tổn, và kinh nguyệt không đều dùng quy-thân, thực địa, thực-rượu, huyền-hồ, bồ-hoàng, hương-phụ, đại-hồi quế-tâm, ngư-tất, nga-truật, cúc-hoa, các vị chế kỹ, đều bằng nhau, tán mịn, lấy một cân đậu đen, đồ dấm-thanh 3 bát, nấu lấy 2 bát, làm hồ, luyện thuốc viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 30 viên với rượu hay dấm-thanh cũng được. kiêng ăn thịt vịt, tiết dê. Bài này cốt dùng dấm-thanh để co bớt các mạch máu trong dạ-con lại, để có sức hút được tinh khí mà thành thai.

6. Bị chứng đới hạ, bụng dưới không yên, có khi đau cắn sinh ra trăm chứng, không có mang nữa, dùng đại-hoàng đập nhỏ bằng hạt đậu, rồi sao xém đen đi. sài-hồ ; mang tiêu, đều một cân, xuyên-khung 5 lạng, gừng khô một cân, xuyên tiêu 1 cân, phục-linh 6 lạng, tán mịn, luyện mật làm viên bằng hạt đậu xanh, uống lúc đói với nước gạo 10 viên thêm dần lên 15 viên, năm ngày thấy trong bụng chuyển thì thôi, không thì thêm nữa, uống thuốc vào 10 ngày thì huyết ra, 20 ngày ra cả run và nước xanh nước vàng ; 30 ngày thì bệnh đỡ, 50 ngày thì béo tốt, có thể giao-hợp cho thành thai.

7. Người đàn bà từ khi lấy chồng chưa từng chữa đẻ chi cả, hay là người đẻ một vài lần rồi, sau 10 năm 20 năm không đẻ nữa, nếu người ấy hình khí thực khỏe, thì tại trong dạ-con không sạch có huyết ứ tích trệ kết đọng lại, dùng đại-hoàng, phác-tiêu, đơn-bì, đào-nhân, vĩ-quy, thực-rượu, trần-bì, cát-cánh, chính-sâm, phục-linh, cam-thảo, đều nhau, quế-tâm, phụ-tử-chế, ngư-tất, con-mòng: vẩy tê-tê, (đem sơn sông quét vào, rồi sao phồng lên), các vị chế đúng phép, thái nhỏ bỏ vào 5 litres rượu ngon, đun lấy 3 chai làm 4 lần uống, đắp chăn cho ra ít mồ hôi ; không ra được, thì đốt lửa đắp kín chắc là tích-huyết chảy ra và như nùng, đỏ như nước đậu đỏ, đó là cái máu xấu, máu độc ở trong nhà-con chảy ra đó.

Những người cứ khí giới ầm tại đau dưới rốn hoặc kinh-nguyệt không đều, trong dạ-con có huyết lạnh, không thụ thai, cũng nên liệu mà uống cho hết.

Người khí lực yếu, mệt quá không chịu nổi, thì cứ cách vài ngày

lại uống một lần, rồi lại uống bồ cũng được, uống độ 3 lần thì thôi.

Nếu buồn bầy quá không thể chịu được, thì ăn một bát cơm thật nguội là khỏi. Nhưng sợ chưa hết sức thuốc thì máu độc ra không hết, vậy nếu chịu khó cố nhịn được, uống hết càng hay.

8. Còn như người không hay đau bụng dưới, và vốn mạnh sức, mà không sinh nở bao giờ, hoặc đẻ một vài lần rồi sau lại tắt, thì dùng xuyên-khung, quy-thân, sinh-địa, sơn-thù, mẫu-đơn, hoài-sơn thiên-môn, chính-sâm, thạch-bộc, tang-ký-sinh, tục-đoạn, đều 2 lạng, hương-tân, can-khương, quế-tâm, phụ-tử-chế, hậu-phác, cam-thảo, tử-thạch-Anh, tử-uy, mẫu-nông, vũ-rư-lương, tân-ri, bách-tử-nhân, mai-cá-mục, quyền-bách, đều 1 lạng. Các vị chế kỹ, tán mịn, luyện mật làm viên, bằng hạt đậu xanh, uống mỗi ngày 3 lần, mỗi lần 20 viên với rượu, dần thêm lên 40 viên, thấy trong bụng nóng là thôi, không kiêng giao cấu chi cả, nếu chờ g vắng thì không nên uống : Kiêng các vị giã thuốc. Nhiều người đã uống, không hết một tể, đã có mang.

Trở lên là nói những bài kinh nghiệm, nhưng cần xét đúng người đó tạng lạnh hay nóng, có quả là nóng sẽ uống được những vị lạnh, quả là lạnh mới nên dùng vị nóng, thực khỏe sẽ công, hư, yếu cần phải bồi, chớ có thấy nói bài ấy hay, bài kia hay, mà không phân biệt nóng lạnh, thực hư, đề liệu ý thêm bớt, lại thường hay sinh bệnh.

Có thai

Xét nghiệm xem có thai không ?

Có thai từ 4 tháng trở về trước, vẫn còn mờ mờ khó biết đúng, nên cách xét nghiệm thực khó. Cần xét mấy điều sau này :

1. Trước hỏi xem kinh-nguyệt vốn có hay không ? Các tháng kinh vốn đều, tháng vừa qua, gần kỳ có kinh, hoặc trước sau, có giao tiếp ; đến tháng sau, kinh nguyệt không thấy có nữa mà vẫn không có tật bệnh gì ; ấy là có thai.

2. Xét xem các cơ thể người đàn bà đó.

Việc tiêu hóa khác thường, ăn được nhiều, hay ăn kém hẳn đi ; hay ăn của chua miệng hay nôn ọe.

Sắc mặt hồng nhiều lên, hoặc lại xanh bạch quá.

Ngoài ba tháng, hai vú to đầy dần ra, đầu vú thâm đen lại.

Ngoài năm tháng, vú to lên mà có sữa là có thai thật, bằng vú không to và không có sữa là bệnh.

3. Lấy ống nghe trước ngực để nghe trong thai vận động.

Nhưng cách đó cũng ngoài ba tháng mới biết.

4. Xem mạch, trong khi mới có thai một, hai tháng, mạch chưa biến đổi mấy.

Sau khi 4 tháng mới có thể biết được, nhưng khi đàn bà thấy hai ba tháng không có kinh nguyệt, xem mạch thấy trôi chảy đi mau và có lực không hơi dừng cách quãng nào. Dấu mình coi yếu mệt mà không thấy mạch khác thường; không sấp, không phục quá, cũng không son, cứng căng thẳng quá, đó tức là có thai.

5. Đàn bà đã 3 tháng không thấy kinh, muốn nghiệm xem có thai hay không? dùng xuyên-khung sống 2 đồng cân, tán mịn, sắc đặc thang lá ngải hòa nước lúc sôi, thấy trong bụng hơi động là có thai.

Phân biệt thai: trai hay gái

Ngoài 4 tháng, xem mạch thấy mạch bộ thốn bên tay trái đi mau to, hoạt bát, lưu lợi, ấn mạnh tay thấy chắc thực có lực, là thai con trai.

Thấy mạch bộ xích bên tay phải, mau to, hoạt bát, lưu lợi, ấn mạnh tay thấy chắc thực có lực, là thai con gái.

Nhưng xét ra trai gái đều là quý cả, tưởng không cần lấy mạch phỏng-đoán như người bói nói mò, để người có mang lại nghĩ ngợi thêm phiền, vậy chẳng cần xem cách ấy nữa.

Cần tu-dưỡng cả tinh-thần và hình-chất

Sự tu-dưỡng trong khi có thai, người đời chưa mấy ai hiểu thấu, nên cũng có kẻ cho là sự không cần.

Nhưng phải biết: người là một loài động-vật có nhiều tình cảm, mà nhất là các thần-kinh trong khi có thai càng lanh nhẹn lắm. Phàm hơi có điều khó chịu một chút, ảnh-hưởng đến cả toàn-thân, người chữa hơi có cảm giác thì bộ phận sinh dục cũng cảm động ngay, tự nhiên phải ảnh-hưởng đến tính chất của con trong bụng.

Bởi vậy các vật liệu bày đặt trong phòng người chữa như tranh, biền, nên chọn những thứ thanh nhã thì hơn.

Khi thường nói chuyện cũng không nên kể đến những sự nguy hiểm, những sự xót thương, râm-dăng, đều không nên trông đến, nghe đến.

Nếu khi đang có thai mà bị sự kinh-sợ thì con hay có chứng kinh: có sự uất-ức, thì sau con hay bị chứng kết-hạch, nếu cứ sợ

hải thì sau con hay bị chứng điên-dở : có thai hay giận-dữ thì con sau dữ-tợn, có thai hay nghĩ ngợi làm sự tham-lam, thì con sau hay tham-lam, có thai hay làm xằng, nói dối, thì con sau hay dối trá v. v.

Giữ-gìn về sự giao-hợp

Sau khi say rượu quá mà giao-cấu : thì trong tinh, phần nhiều khí nóng-nực của rượu, sinh con khó nuôi.

Sau khi dận giữ mà giao-cấu, thì con hay ngang ngược.

Sau khi nhọc mệt mà giao-cấu, thì trong tinh khí không đầy đủ sức lực, sau con hay yếu ớt.

Uống những thuốc nóng giúp lấy sức mạnh để giao-cấu hay cố ý nhịn cho tinh lâu ra, thì con hay có chứng bệnh lạ thường.

Khi khí-hậu thay đổi khác thường, như mưa to, gió lớn sấm chớp chuyển-động, thì con hay có hình trạng quái lạ.

Cha mẹ phải truyền cho con, toàn là do tinh thần cả, thể cách hình dung, khí-lực của con đều theo tinh-thần của cha mẹ mà khác nhau.

Sự làm làm và khí chất của cha mẹ đối với con rất là can-hệ, thế thì khi giao-hợp muốn cho tốt con, và khi đã có thai, sao không tu-dưỡng lấy, mà coi làm thường du !

Vệ sinh trong khi có thai

Đàn bà sau khi có kinh, hơn 40 ngày mà không thấy có kinh nữa, nên cần-thận bớt ít sự giao hợp, đi lại ra vào cần-thận, không nên ngồi lâu, hay nằm mãi, làm cho khí huyết đình trệ. Cũng không nên cất nhắc vật nặng quá sức, làm việc nhọc-mệt quá độ. Nhưng cần phải làm việc vất luôn luôn cho huyết mạch lưu-thông, thai cũng luyện tập vận động, thì người thường khỏe khoắn mà sau dễ sinh.

Ăn uống nên có chừng mực

Chớ ăn no quá độ, thực nóng quá và lạnh quá đều không nên ăn, những thứ thịt trâu, dê, chó, ngựa, và hết thảy các vật có độc, vẫn phải kiêng hẳn, đã đành : ngay đến gừng ớt hạt tiêu là thứ thường dùng cũng nên kiêng nữa.

Những thứ rượu, nếp, cũng không nên ăn uống.

Những vật kiêng chớ ăn

Ăn thịt gà hay trứng-gà với cơm nếp, xôi, cốm hay sinh sáo.

Ăn gan dê, con hay sinh tật quái lạ ; ăn cá chép, con hay cam, ăn thịt chó, con hay câm ; ăn thịt thỏ con hay sát môi ; ăn thịt ba-ba, con hay rứt cổ, ăn trứng vịt, con hay lạnh da. ăn thịt sủ con hay hoang dâm ; ăn tương đậu con hay hen, ăn mậ gừng, con hay mọc chảnh ngón tay ; ăn thịt ếch hay lươn, con hay sinh phong lở.

Ăn thịt lừa hay lên thán, chậm sinh.

Tóm lại cũng tùy phong tục và bộ tiêu-hóa của người các xứ. nếu ở xứ nào ngày thường đã quen ăn một thứ nào rồi, thì khi có thai cũng không cần kiêng mấy.

Vì dụ người xứ kia thường hay ăn thịt thỏ, thì bộ tiêu-hóa đã quen rồi, dầu khi có thai ăn thịt thỏ, cũng chẳng can chi, chỉ người xứ nào vốn không ăn thịt thỏ quen, mà khi có thai ăn vào mới cảm-động, như thế suy rộng ra, các thứ khác cũng vậy.

Những vị thuốc kỵ thai

Có thai kỵ những vị này : Đàn bà thai nghén tránh ngay chớ dùng : Ô-dầu, quế, phụ-(tử) thiên-hung, ngưu-hoàng, ba-đậu đào-(nhân), hồng-(hoa), rĩ-nhân ; lê-lô với mao, luyện căn, đơn-bì, bồ-kết, thủy-ngân, hùng-hoàng ; nam-tinh, bán-hạ, can-khương, (quá) hòe, nguyên-(hoa) tởi, (đại-kích, nga (truật, tam)-lăng, thông- (thảo cổ (mạch), thường sơn, dao-đậu, huyền-hồ, sắn-tầu (đồng-nai) hương-sa, lư-như, kiến-sầu, bằng-sa, hoạt-thạch, ban-miêu, lá-sơn, ngưu-tất, phác-tiên, đại-hoàng, khiên-ngưu, xác-rắn, phê-sương, (thạch-tin nhân-ngôn), cùng các vị, độc lạ thường xưa nay ; -như dương trịnh (rục, thiên ma, quỳ-tiến to-mộc, mạch-nha, quỳ-tử), đại-giá-thạch (son) mộc-nhĩ, duyên phấn, lưu-huỳnh, địa, ruồi mòng, địa-dỏm, rện, dế, rết, mối, ba-ba đất-hồng nương-tử, ve lải đất, da-rim, nhái (hà-mô), rùa, ba-ba.

Đó là nói khi thường, còn khi gặp những chứng khác thường như có thai, ầu thờ, phải dùng bán-hạ, nóng kết phải dùng đại-hoàng, vì có bệnh thì bệnh chịu, mà không động gì đến thai. Nhưng quả là sức bệnh mạnh rữ, mới nên làm thế, đỡ rồi thì thôi, chớ có dùng quá.

Cách yên thai

Có thai, mà thấy không được yên dạ ; cần phải xét xem bệnh tại mẹ, hay tại thai, để tìm phương cách điều trị cho yên.

Nếu vì bệnh tại mẹ, làm cho thai không yên ; chỉ trị bệnh người mẹ, thì thai tự nhiên yên ngay.

Hoặc vì thai có động chạm chi, làm cho mẹ bị bệnh, thì chỉ cốt yên thai, hễ thai yên là mẹ tự lành.

Ốm nghén

Đàn bà hai, ba tháng không thấy có kinh nữa, tinh thần vẫn như thường ; thích ăn của chua, hay muốn ăn một thức chi đó, (ta thường gọi ăn rở) kinh còm, khi thồ ra nhiều rãi, khi thồ ra đờm và nước, trong thân thể nặng nề, mặt đầu choáng váng-thể gọi là ốm nghén, không thể trị như các bệnh thường được, phải dùng sâm chính 2, bạch-linh 3, hoài-sơn 3, cam-thảo 1, hương-phụ-chế 2, trần bì 1, ô-rước 1, sắc nước uống.

Nếu khát nhiều thêm mạch-môn 3, ngũ-vị 1,
Người gầy còm, nóng lảm thêm hoàng-cầm 3,
Người béo (mập) có đờm thêm bạch-truật 3,
Phần huyết kém ít, thêm quy-thân 3, bạch-thược 2,
Phần khí yếu kém bội dùng nhiều sâm tốt.

Những người béo (mập) không nên bổ khí quá, sợ lại ủng tắc thêm lên, người gầy còm phần nhiều nóng, chớ dùng vị nóng, ôn quá, sợ ráo huyết.

Thấy thai không được yên ổn, lại nên thêm đỗ-trọng 3, tục-đoạn, 3, cống giao 2, lá ngải sao 1, để giữ vững lấy thai.

Nếu khi bốc nóng quá, thai đồ cao lên, thì thêm lá tia-tô tươi 3 vỏ quả cau 2, chỉ xác 2, sa-nhân 1, trần-bì 1, cho khí êm lạnh xuống.

Lợm động, ầu thỏ

Có thai được hơn tháng, thường hay có chứng lợm động, ầu thỏ nôn oẹ ; nếu không nặng lắm và không có chứng chi khác nữa thêm vào, thì tùy ý muốn thêm thức gì, cứ cho ăn thức ấy, ngoài ba tháng tự-nhiên khỏi, chẳng cần uống thuốc chi. (nhưng cũng nên kiêng các vị độc).

Nếu chứng nặng, thì cần xét xem dạ dày thể nào, vì có gì, để mà điều trị.

1. Vì khi trong thai bốc nóng xông lên dạ dày.

Lúc thường, nhà con vốn dẹp ở bụng dưới ; đến khi có thai thì khí tụ lại mà bốc lên động đến dạ dày, vì người chữa đó dạ dày hơi yếu sức, lại thêm có đờm hỏa nữa : nên mới bốc lên làm

thành chứng thổ, dùng trần-bì 2, bạch-truật 3, sa-nhân 2, cam-thảo 1, hương-phụ-chế 2, ô-rước 2, gừng tươi 5 lát, sắc nước uống : người vốn khí lực yếu kém thêm sâm chính. Bằng người vốn khí lực đầy đủ, thì thêm chỉ-xác. Cốt làm cho khí êm xuôi xuống thì yên dạ mà không thổ nữa.

2. Vì trong dạ đầy nóng quá, nên ầu thổ mà thích uống thức mát, trong lòng buồn bầy nóng nẩy dùng bài « Nhị trần » thêm tinh tre 1, chỉ-thực 2, hoàng-cầm 3, hoàng-liên 1, lò-căn 1, mạch-môn 3, gừng tươi 5 lát, để giải mát trong dạ, êm bớt bệnh nóng đi.

3. Vì dạ đầy người đó vốn yếu, có đờm rãi, đọng lại, nên trong nóng buồn nôn, thổ ra lắm đờm rãi, vàng đầu chóng mặt nhọc mệt dùng « lục-quân » thêm tỳ bà chế sạch lông 2, bắc-hương 1, toàn phú 3, sa nhân 2, chỉ xác 2.

Chứng này cần phải xét kỹ ; nếu trong nóng, đại tiện bí kết, nên thêm hoàng-cầm 3, đại hoàng 1, để thông lợi đi một lần.

Trong lạnh, chỉ ưa thức nóng thì thêm can-khương 2, quế-tâm 1, để giúp sức nóng.

Đoạn này, khi nói dùng bán-hạ, khi nói dùng can-khương, quế-tâm, đều là vị kị thai cả. Nhưng phải biết rằng : quả có đờm cứ dùng bán hạ, quả lạnh dạ, cứ dùng khương, quế, cốt phân biệt chứng cho đúng là được. Có bệnh, bệnh chịu, chớ chẳng ngại chi, nhưng dùng cũng nên biết tầm-mức, cho vừa, cứ đỡ được già nửa chứng bệnh thì thôi, chớ đừng dùng quá.

Thai động

Thai cứ hay động luôn, là vì khi trong thai nóng, có khi bốc lên thành thổ, dùng ngay hoàng cầm 4, hương phụ 2, hoài sơn ba, nếu là người béo (mập) lắm thấp đờm sẽ thêm bạch truật 3, sắc uống.

Nếu vì uất dận làm cho thai động, không yên, dùng hương phụ-chế 5, sa-nhân 1, cam thảo chích 2, sắc nước mài trầm hương 1, bỏ vào vài hạt muối uống lúc nóng. Người vốn yếu sức, dùng « bát-trần » bỏ xuyên-khung, phục linh, thêm hoàng cầm 3, cảnh tía-tô 2, trần-bì 1.

Có thai, đau bụng

Đàn bà chữa đau bụng : nếu thấy đau ngang dạ đầy, phần nhiều vì ngộ ăn dính trệ lại, dùng xương truật 2, cam thảo 1, trần bì,

hương hậu, 3, chỉ xác 2, thảo quả 2. Nếu thấy đại tiện bí kết đã lâu ngày không đi được, thì thêm đại hoàng 1, phác tiêu 2, đề hạ ngay đi một lần, cứ bội nhiều cam-thảo cho hòa hoãn bớt sức mạnh của hai vị đó, khỏi phạm đến thai.

Nếu bụng đau sang ngang lưng, thai động rong huyết ra, cần dùng quy thân 2, sinh địa 5, bạch thược sao đen 3, huyền hồ 2, đề cho khỏi đau và giữ vững lấy thai.

Nên biết rằng: các màng giữ nhà con, phần nhiều ràng rịt vào sau ngang lưng cả. Nếu thấy cả bụng và lưng đau quá, sợ hỏng mất thai. Cần dùng ngay quy thân 2, sinh địa 5, bạch thược sao 3, đỗ-trọng 5, tục đoạn 3, đậu đen đồ chín tẩm rượu 3, và ba củ hành, sắc uống luôn, cho khỏi đau.

Nếu vì cảm gió lạnh ở ngoài vào, đau rức suốt cả sống lưng, chớ không những chỉ nguyên một ngang lưng, thì nên thêm khương hoạt 1, độc-hoạt 1, đề giải cảm đi.

Nếu trong nóng quá, đại tiện và tiểu tiện bí không đi được, dùng mật ong và phác-tiêu sắc nước uống, cho thông lợi đi.

Bụng dưới đau lạnh, là mạch máu trong nhà con bị lạnh làm cho huyết đọng lại; dùng quy-thần 3, bạch thược sao 3, sinh địa 3, lá ngải 2, cống-giao sao 3, hương phụ-chế 3, tiểu-hồi 2, ngô-thù-chế 1, cam-thảo chích 1, sắc uống.

Bụng dưới đau lạnh, đau cả ra sống lưng, là vì mạch máu thuộc thận, không đủ sức nóng, dùng bài « bát-vị » thêm đỗ-trọng 3, cố-chỉ 3, ô-rước 3, ngải-riệp 3, bỏ đơn-bì đi.

Đau bụng-con mà tiểu-tiện sên khó đi, đầy thở, là vì nước không tiêu thông ra được bong-bóng, mới tức đau lên như thế, xét xem vì nóng quá kết lại, dùng sinh-địa 5, mộc-thông 3, đuôi cam-thảo 2, chi-nhân 3, phòng-kỷ 2. Nếu vì lạnh kết đọng lại làm cho nước không bốc hơi chầy thông đi, thì dùng bài « ngũ-linh » cho ngấm thông ra, cốt sao cho nước lợi đi, thì bụng con không đau nữa.

Tiểu-tiện không thông

Bà chữa, ăn uống được như thường, chỉ đau tức bụng dưới; tiểu tiện không đi được một đợt nào, trong bụng buồn bầy, không nằm yên được; là vì nhà con sa xuống vit chặt lấy lỗ đái, bởi tại khí lực của mạch thận không đủ nâng-dỡ thai lên, và khí nóng không đủ bốc hơi nước thông ra được, phải dùng bài « bát-vị ».

Nếu bà chữa mà ăn ít, bị đi đái không thông, là khí lực của bộ

phận tiêu-hóa kém, không đủ năng đỡ, gánh vác thai đó, thì nên dùng bài « bồ-trung-ích-khí ».

Hai bài trên, một bài chữa mạch máu của thận lạnh, một bài chữa khí lực của bộ tiêu-hóa hư yếu, nên dùng như thế.

Nếu vì nóng nực quá, thì khí ầm thấp uất lại, không thông ra. Nên dùng cống-giao 3, trư-linh 3, trạch-tả 3, xích-linh 3, cỏ-đắc-trắng làm thang sắc uống cho thông lợi ra.

PHÉP-ĐỖ. — cho bà đỡ sành nghề, rửa thật sạch tay đem đầu vùng trong bôi vào tay, rồi thò vào đỡ thai lên, thì nước tiểu tự chảy ra. Đó là phép dùng tạm khi cứu cấp, sau phải tùy người mà dùng thuốc uống trong mới yên ổn.

Đái rắt

Trên nói : đái không thông lý nào : đây nói : có thai cứ một đái rắt luôn, bức tức khó đi, chỉ rỏ ra từng giọt, đau buốt : dùng quy thân 2, sinh địa 4, bạch thược 3, cam thảo 2, hoàng cầm 3, xích-linh 3, trạch tả 2, xa tiền 2, hoạt thạch 6, mộc-thông 3, chi-nhân (sao đen) 3, để giải mát và thông tiểu-tiện.

Người tạng lạnh, không đủ khí nóng để bốc hơi nước ngấm ra, dùng bài « bát vị »

Nhọc thờ là khí lực của phổi kém, dùng chính-sâm 5, mạch-môn 5, hoài-sơn 3, trạch-tả 3.

Vì ăn thức cao-lương nóng quá thành ra, dùng bài thanh-vị.

Nếu vì lam-làm nhọc mệt, hoặc ăn thức sào-rán, tiểu tiện hơi có huyết, là vì huyết bị nóng bật ra trong bong-bóng, dùng bài « Bồ-trung » bỏ truật đi thêm chi-nhân sao đen 5.

Són đái, vãi đái

Có thai mà són đái ra không biết, hoặc vãi đái ra không giữ được, là vì người có thai đó lắm hơi nước đọng đầy rẫy ở trong, dùng bạch-thược, bạch-vi, đều nhau, chế sạch tán nhỏ, uống mỗi lần 8 grammes.

Người nhọc, ăn ít là bộ phận tiêu-hóa kém sức, ăn kém ít sức, thai hơi sa xuống đè vào bong-bóng nên mới vãi ra, dùng bài « bồ-trung-ích-khí » thêm ích-tri-nhân 3.

Người nóng ráo quá dùng bài « lục-vị » bỏ đơn-bì đi.

Nếu trong bong-bóng nóng lắm mà sinh ra són đái, thì tắt thấy chứng nóng buốt khó chịu, dùng bài « tiêu-dao » thêm chi-nhân 5.

Nước trong âm hộ rỉ ra

Đàn bà chữa cứ thấy nước trong âm hộ rỉ ra mãi, không thôi, vì trong có nhiều hơi nước không hóa-tán đi, dùng một con cá chép sống to, làm sạch ruột, đồ nước nấu chín, đợi trong lấy nước, sắc thuốc, đem quy-thân 3, bạch-thược 3, bạch-linh 5, trần-bì 1, gừng tươi 5 lát, bỏ vào nước cá chép sắc lấy 1 phần ba, chia làm 5 lần uống, ngày uống 3 lần, đêm uống 2 lần ; người khí lực yếu quá thêm sâm-chính.

Đại tiện không thông

Đàn bà chữa thấy miệng khát, ho xóc, phát nóng, đại-tiện không thông, là huyết khô ráo quá, nên bỏ cho huyết nhuận ra, thì đại tiện thông ngay, dùng quy-thân 4, sinh-địa 3, bạch-thược 3, ma-nhân 3 nhục-thong-dong 3, chỉ xác 2 sắc uống.

Đi lý

Có thai mà đi lý, là chứng rất cần, vì chứng lý hay đau bụng, bất rặn, rặn quá có khi sa thai, làm cho thai không yên vinh, thành ra lắm chứng nguy-hiểm cho cả thai và mẹ, có người rặn quá thai hơi sa xuống rồi sau con sinh ra vòng kiềng.

Cần phải xét mấy điều sau này :

1. Có ăn được không ? ăn được như thường là nhẹ, không ăn được là nặng.
2. Nước tiểu thông hay không ? tiểu thông thì thai không can gì,
3. Bụng đau thế nào ? mới phải đau đầy soán từng cơn là nóng thực lý lâu rồi, đau lâm dâm mãi là hư lạnh.
4. Rặn thế nào ? mới phải mà rặn, nên khai thông trí trệ, lý đã lâu, vẫn còn rặn nên dùng nâng cất đỡ lên.
5. Mình có nóng lắm không ? đi lý ở trong ruột nóng lắm mà ngoài mình lại nóng nữa, là nóng lắm mà nặng.

Các phép trị bà chữa đi lý

Có mang, ăn uống như thường, chỉ đầy bụng, đi rặn, ra chất keo rẻo trắng như đờm, dùng hậu-phác 3, trần-bì 2, bạch thược 5, chỉ thực 3.

Ly ra chất đỏ thì dùng hoàng-cầm 3, bạch-thược 3, cam-thảo 2, đại-táo 5 quả.

Đi lý nóng quá., trong dạ-dầy vì nóng đốt, không ăn thức gì vào được, ăn vào là thổ ngay, gọi là lý cấm-khẩu, bụng đầy, rặn lăm, ra máu nùng nùng đặc dẻo, dùng hoàng-liên 5, sao cháy, quy-thân, 5, cống-giao 10, gừng khô đốt cháy 3, tán rây thiết nỏ, đem dấm nấu cống giao sao, rồi hòa thuốc bột làm viên bằng hạt đậu, mỗi lần uống 50 viên, với nước gạo, ngày và đêm uống 5 lần.

Ly với sốt

Có thai, trước sốt sau ra đi lý, hoặc vừa sốt, vừa đi lý, nguyên khí sút xuống, thai cũng hơi sa, đi tiểu tiện luôn hoặc không đi tiểu được, dùng bài « Bồ-trung-ích-khí ».

Các phương trị lý đều nên thêm sa-nhân để điều hòa chân khí thêm ô-mai nhật, để điều hòa thu tiễn chân huyết, rất hay.

Có thai mà vẫn thấy kinh

Đàn bà có mang rồi, mà vẫn thấy kinh-nguyệt cứ ra hàng tháng xét người đó quả thực hình khí khỏe mạnh, thế là huyết vốn có thừa, không thấy chứng chi cả, thì không cần uống thuốc, sau rồi thai to, con trong dạ ngày một lớn lên, ăn tiêu đến nhiều huyết thì kinh tự thôi tắt ngay.

Rong-huyết

Đàn bà chữa, không vì có gì tự nhiên rong huyết ra, mà bụng chẳng đau chi cả, phần nhiều vì huyết nóng quá, làm cho mạch máu bong ra, dùng quy-thân 2, sinh địa 4, bạch thược sao đen 3, cống giao sao 5, chi nhân sao đen 3; lá trắc-bách sao đen 3, hoàng cầm 3, sắc uống, nếu ra huyết mà lại đau bụng nữa là thai đã bị thương nặng.

Có khi ra nước như nước đỏ vàng, đỏ đen, ra đến hàng chậu,

nước ra nhiều quá thai sẽ khô khan, có khi héo sa xuống mất ; nước tức là khí, vì khí tiêu tiết ra không giữ vững được nên nước mới tiêu tiết, dùng hoàng kỳ 20 grammes, gạo nếp 2 décilitres sắc đặc mà uống cho vững dạ, hoặc dùng sâm chính 2, bạch truật 3, bột gạo hươu 4, rễ cỏ danh 3. (Mao-căn), tồ bông ngựa 2, bạc tốt 2 (loài kim), rễ cây gai 3, sắc vừa nước vừa rượu, lấy một phần ba, uống cũng hay. Nếu ra bạo quá, thì thai phải xuống mất.

Đái ra huyết

Đàn bà chữa đái ra huyết, bụng vẫn không đau đớn chỉ là vì bong bóng nóng quá bắt máu ra, dùng sinh địa 5, quy thân 2, bạch thược sao đen 3, bạch mao căn sao cháy 4, tóc đốt cháy 1, sắc uống để giải mát đi thì khỏi, phải có tóc đốt cháy mới hay.

Ho

Bà chữa — 1. vì cảm gió lạnh mà ho, dùng lá tía tô 2, vỏ rễ dâu 3, hạnh nhân 2, ma hoàng 1, tiền-hồ 2, cát cánh 2, xích linh 3, thiên môn 3, bách hợp 3, bối mẫu 2, sắc nước uống,

2. Vì lẩm đờm rãi bốc lên thành ho, dùng « nhị trần » thêm chỉ xác 2, cát cánh 2, tồ tử 2.

3. Vì nóng uất quá, ho nặng mặt ra, mà không ra đờm, dùng vỏ dâu 5, địa cốt 5, cam thảo 2, hạnh nhân 2, qua lâu 2, bạch tiền 2, hoàng cầm 3, chỉ xác 1, sắc nước uống.

4. Ho lại suyễn thở, mặt nề ra, không nằm xuống được, là trong có đờm lỏng đọng ở phổi, dùng hạt đay 20, táo to 10 quả sắc uống một thang thôi.

5. Ho đã lâu không có chứng gì ở ngoài, chỉ nóng âm, ho về buổi chiều nặng hơn, là âm hư, trong mình thiếu chất mát, nóng xông lên phổi, dùng « bát tiên » bỏ đơn bì đi.

Buồn dạ

Bà chữa không có chứng gì khác, chỉ trong lòng thời thường khó chịu, buồn bầy, là vì khí nóng trong thai bốc lên lái tim, nên dùng hoàng-kỳ 3, bạch-tinh 3, cam-thảo 1, mạch môn 3, trúc điệp 2, hoàng cầm 3, tri mẫu 2, sắc nước uống khi đói ; người nóng qua mai thêm tề giác, khí lực yếu kém thêm sâm chính, miệng khát thêm thạch cao.

Người béo, khí trệ, dùng lá tía tô 2, trần bì 2, bán hạ 2, hậu phác 2, đại phúc bì 2, cam thảo 1, quy thân 2, bạch thược 3, gừng 5 lát, hành trắng 3 cây.

Người lấm đờm trệ dùng « nhị trần » thêm bạch truật 2, hoàng cầm 3, chỉ xác 2.

Người ít huyết, nóng ráo sinh buồn dạ yếu sức, không ngủ được, dùng sinh địa 5, hoàng liên 2, cam thảo 2, quy thân 3, sắc nước, mài 2 đồng cân châu sa (thiệt, sáng như mặt gương) mài kỹ mà uống.

Chóng mặt

Bà chữa, chóng mặt, vầng dầu, là vì đờm bốc lên, dùng « Nhị-trần » thêm lá tía tô 3, chỉ xác 2, hạnh nhân 2, sắc rồi pha nước tre-non và nước gừng vào mà uống.

Lòng-cách đầy chướng

Bà chữa, khí trờng thai dồn lên, đầy chướng cả trong lòng cách, lại thêm thở nhiều nữa, dùng cành tía tô 5, trần bì 2, đại phúc bì 2, bạch thược 3, cam thảo 1, quy thân 3, người yếu quá thêm sâm chính sắc uống.

Nếu vì dận uất mà thai dồn lên đầy ách, dùng bài tiêu-dao thêm cành tía tô 5.

Có mang bảy, tám tháng rồi, người mẹ huyết kém, không đủ nuôi thai, nó phải dồn lên không yên, cần phải đại bổ lấy chân huyết mới khỏi : dùng bài Thập-toàn-dại-bổ bổ xuyên khung, bổ quế, lại nên ăn thêm các thức bổ nữa.

Có người đến tháng sinh, thai dồn lên làm cho nôn nấc, ợ, ợe rất nguy, cần cho uống nước tiểu trẻ giai, và vò nước lá tía tô tươi cho uống cũng khỏi.

Cơn giãn

Bà chữa tự nhiên bất tỉnh linh, tối sầm mắt mũi, ngã lảo ra không biết chi nữa, chân tay co rúm, miệng cắn, mắt trợn, qua một chốc rồi lại tỉnh dậy, ít lâu lại như người thường, thế là cơn giãn, vì người chữa do huyết kém, gió nóng cảm vào, cần phải bổ huyết

khu phong, dùng bài Tứ-vật thêm phòng phong 2, độc hoạt 2, câu đằng 3, tang ký sinh 2, ý dĩ 3, sắc mài sừng linh-dương cho uống. Nếu miệng méo, mắt xếch, nửa người tê liệt bất toại, thì cứ theo môn trúng phong mà châm chước điều trị.

Chứng này khó biết, cứ xem ngày thường, thấy con mắt lơ mờ, hoặc khi nhận vật trắng ra đen, nhận vật đen ra trắng, ấy là sắp thành chứng giãn đỏ, dần rồi chóng mặt, vàng đầu hoặc lạnh tê thân thể, khi nặng mới ngã lảo ra, không biết chi nữa.

Mất tiếng

Bà chữa chín tháng, nói bé, khàn giọng, mất tiếng đi, không vang mấy nữa, (chớ không phải cảm hẳn đi không nói được lời nào đâu), vì những mạch ở cuống lưỡi đều nhờ bạch máu của lái cật, bây giờ khí lực của thai mạnh quá, ngăn trở mạch đó không thông lên, thì cổ họng, cuống lưỡi thiếu nước màu, không được nhuận nhả, nên tiếng khan đi, không cần trị mấy đổi, khi sinh xong, mạch máu lại thông như thường, thì tiếng lại rõ ra; nếu muốn dùng thuốc thì sắc đặc nước sâm chính, mạch môn, ngũ vị, lúc đói uống viên bát-tiên, giúp khí lực của phổi và thận để dưỡng thai, chớ dùng những thuốc khai phát để thông tiếng, thì lắm to.

Nói nhảm

Bà chữa, nói lảm nhảm, là cái đēm tạng phủ nóng bốc quá chừng, cần lấy nước tiểu trẻ giai đồ cho luôn luôn, không thấy hiệu nghiệm, thì dùng sinh-địa 5, quy-thân 3, thược-dược 5, hoàng-liên 3, hoàng-cầm 3, chi-nhân 5, để giải bớt sức nóng trong mạch máu, thì thai mới yên. Người hình khí khỏe mạnh, mạch thực mạnh, nên thêm đại-hoàng cho hạ ngay đi, hạ chậm sợ đau đến thai.

Cần xét nhất là xem có ra huyết gì trước không? có người hồng thai ra huyết, mạch máu ra nhiều, trong tim thiếu chất mát, còn nguyên chất nóng, nên thần không được yên, mà nói nhảm, dấu dùng thuốc bồ rất mạnh, cũng khó có công hiệu.

Nếu thấy lưỡi xanh xám là con trong bụng đã chết rồi, cần phải dùng phép hạ ngay đi. Nếu là thai đôi, mà một con chết một con sống, thì chắc rằng trong bụng một nửa nóng, một nửa bên lạnh, vì mẹ bị chứng nóng quá, trong tạng phủ nóng nung đốt đến thai, nên con đến nổi chết, chỉ dùng toàn quy 3, thược-rược 2, thực-địa 3,

quế-tâm tót 4, can-khương 2, cam-thảo-chích 2, bồ-hoàng sắn 3, tán bột, lấy đậu đen 1 bát sao thơm dầm nửa rượu, nửa nước sắc cạn lấy một nửa hòa nước tiểu trẻ con nửa chén, làm thang uống thuốc bột đó, một liều 15 grammes thì cái thai chết ra ngay.

Bằng thai chưa chết, thì lấy bùn lỏng giếng lòng ao đắp vào rốn để giúp đỡ khí lực của thai, nhiều khi giữ yên toàn được.

Tự nhiên thương khóc

Bà chữa, không vì có gì khác cả, tự nhiên thường thương xót đau đớn muốn khóc, tựa như ma quỷ ám ảnh làm ra, lại hay ngáp dài, là vì chất mát trong mình (thuộc mạch thận) không đủ, nên dạ con khô ráo, phổi không đủ nước màu nhuần rưới, nên khí yếu kém mà thành ra thương xót muốn khóc, tim ít huyết dên thần rối loạn không yên vững, vì ráo nên hay ngáp dài, dùng cam thảo 5, tiểu mạch 1 bát, táo to 10 quả, sắc lấy ba phần năm chia ra làm 3 lần, uống nóng để tu bổ nước màu cho hóa sinh ra huyết, mát mẻ trong mình, thì im lặng ngay.

Con kêu trong bụng

Bà chữa chớ rên mình với vật gì trên cao, lỡ khi vô ý dơ tay với cao, làm cho đứa bé ngửa lên há miệng ra, không yên nên mới kêu thành tiếng như tiếng trẻ khóc, có khi như tiếng chuông kêu chừng này không mấy khi thấy.

Cách chữa, rắc ít tiền hoặc thóc, hay vật gì nhỏ mà nhiều nhiều một số, rải ra mặt đất, bảo người chữa đó đứng cúi lưng nhặt một lúc lâu hoặc bảo cầm chổi cúi đi quét nhà, để cho thai kín miệng lại là khỏi.

Cũng có khi thai nóng quá không yên mà kêu, dùng đất tồ chuột bỏ vào hoàng liên sắc uống tự khỏi.

Phù thũng

Bà chữa khắp mình, chân tay, đầu mặt, phù thũng, có khi thũng từ đầu gối trở xuống đến bàn chân, có khi đầy chướng có khi sưng thở, vì người đó vốn có bệnh âm thấp, hơi nước đọng lại, không hóa tán đi mà thành ra chứng nề thũng này, vì nhà con và bong bóng ở gần liền nhau sức khí hóa của bong bóng kém không ngấm ra được

nước tràn cả sang nhà con, khi thai chưa thành hình, bị chứng đó thì nước ngấm dần vào thai, thường hay hư hỏng. Khi thai đã thành hình rồi, bị chứng đó còn có thể điều trị được, nên từ khi có thai năm, sáu tháng về sau bị chứng này, cũng nhiều người sinh nuôi được.

Trị chứng này nên dùng mộc qua 4, bình lang 3, vỏ quả cau 2, thương truật 3, phục linh đỏ 4, trứ linh 3, trạch tả 3, vỏ rễ dâu 3, sa nhân 2, lá tía tô 2, trần bì 3, mộc hương 1, để điều hòa bộ phận tiêu hóa và hô hấp mà tiêu lợi hơi nước và khí ẩm ướt đi, Nếu khí ẩm ướt nhiều quá thì đầy trướng khó chịu, thêm chỉ-xác 3, để phá khí kết, chân thũng hơn thêm phòng-kỷ 4, để rút bớt ẩm ướt ở dưới. Chắt nước ở trên nhiều tất suyễn thổ khó nằm, thêm đình lịch (hạt đay trắng) 3, để rút bớt đi.

Thai không nhón

Có thai đã năm, sáu tháng mà bụng vẫn bé không nhón mấy, là vì người đó sức lực yếu kém. Nếu xét ra là khí huyết hai đẳng kém cả, dùng bài bát trân.

Bằng thấy ăn ít gầy còm là bộ tiêu hóa yếu dùng : « Lục-quân » cho ăn uống mạnh khỏe, cơm nước tiêu hóa được nhiều thì khí huyết tự nhiên đầy đủ ra, mà thai lớn lên, nhiều người chậm đến mười hai, mười ba tháng mới đẻ, chứng này cần bồi dưỡng lắm, ví như đất xấu mẫu, giống cây khẳng khiu dẫu có giống chưa chắc đã thành cây tươi tốt. Nếu biết ra công vun xới, bón tưới, cũng có thể thành thực kết quả được.

Có người đàn bà chữa, khí huyết thiệt đầy đủ mạnh khỏe mà thai không lớn, thế chắc là tinh khí của người bố yếu ớt, lại cần dùng đại tể sâm kỳ, chuyên bồi về một bên khí; chớ có dùng lẫn vào một vị nào về bên huyết, thì khí lực của thai mới được bồi ích về bên thiếu mà lớn lên được.

Lại có người đàn bà chữa, vì cốt nhắc nhỡ lắm, đến nỗi thai kém sự bồi dưỡng, không lớn lên được, nhưng vẫn không ra sứt hỏng ra đó cũng giống như quả khô héo bám trên cành, người chữa đó khí huyết không can chi, chỉ con trong thai không bầm thụ được khí huyết của mẹ mấy thôi, chứ không như người chữa có bệnh, mà thai hỏng đi, như cành gãy mà quả rụng ra.

Sự bồi dưỡng cho thai được lớn rất cần, ai là kẻ biết trọng bổn phận làm nở nang cho nòi giống, rất nên lưu ý.

Các chứng đau

Khi có thai, mang, chữa, thấy các chứng đau phải trị một cách khác, chứ không trị như người thường được.

1er. Đau cả bụng, khi đau, khi thôi là huyết ít dùng bài « tứ vật » thêm « hương-phụ » chế kỹ, tán mịn, sắc nước lá tía-tô làm thang, uống lúc đói, mỗi liều 20 gr.

Nếu người khí trệ uống : sâm-chính 3 trần bì 2, lá tía tô 3, quy-thân 2, bạch-thược 3, đại phúc bì (vỏ quả cau) 2, cam thảo 1, gừng tươi 3 lát, hành trắng 3 cây.

2. Đau dạ dày, dùng « Lục quân » thêm hoắc hương, sa nhân.

3. Đau sườn vì 3 có : khóc lăm, uất dận, và đau ở trong chỉ nên dùng nước tiêu trẻ giai pha ít rượu cho uống. Hoặc dùng quy-thân 3, bạch thược 5, cành tía tô 4, sa-nhân 2, vỏ quả cau 3, trần bì 2, cam thảo 1, sắc rồi pha nước tiêu trẻ giai cho uống.

4. Bụng, lưng và ngang lưng đau cả, có khi vì nhọc mệt thành ra hay động đến khí lực của thai, dùng bài : « Bồ-trung-ích-khí » thêm đỗ-trọng 3, tục đoạn 3,

5. Đau chạy khắp mình, là huyết xấu chạy vào các kinh mạch, dùng bài « tứ vật » thêm ô-rượu 2, hương phụ 2, cam thảo 1, đỗ-trọng 3, tục đoạn 2, quế mỏng 1,

6. Người béo đầy lăm bệnh ẩm ướt, nóng nực, lưng đau nặng nề, có khi ra vật trắng dùng hoàng bá 3, thương truật 2, phục-linh 3, bán-hạ 2, sài hồ 2, phòng phong 2,

7. Khí huyết uất ức đình-trệ, khắp mình co quắp không thư thái ra mà lại đau nữa, mắt nảy hoa tối đen, đêm không nằm yên được, dùng sâm chính 2, quy thân 2, bạch thược 3, tô-ngạnh 2, đại-phúc-bì 2, trần-bì 2, cam thảo 1, chỉ xác 3, cát cánh 2,

8. Đau ngang lưng quá, là mạch thận hư lăm, thai sẽ hỏng mất. Kíp uống ngay bài « thập toàn » bỏ quế thêm cống giao 3, ngải dể 7, « lá ngải cứu » sao 2.

9. Đau lạnh bên dưới rốn, bụng đầy đau, muốn bóp, tiểu tiện đi luôn, đại tiện đi trượt lỏng, đều vì ăn thứ sống lạnh thành ra, dùng bài : « Kiến-trung » thêm bào khương 2, mộc-hương chính 1, nếu chưa khỏi thêm tiêu hồi 2, lương khương 2,

10. Đau bụng dưới, thấy hiện những chứng nóng, thế là nóng mà thuộc chứng hư yếu, dùng cành tía-tô 3, vỏ quả-cau 3, trần-bì 2, sâm-chính 2, quy-thân 2, bạch-thược 3, cam-thảo 1.

Nếu là người hư-hàn. hiện chứng muốn chườm lạnh dùng cống-giao 5, thán-khương 3, lá-ngải 3, không đỡ, là lạnh quá thêm quế-tâm 2, phụ-tử-chế 1.

Nếu là người vốn ở trong bị hư yếu quá thì thai chắc hỏng xuống không sai.

Bằng uống các thuốc trước không thấy hiện-nghiệm, phải xem ngay dưới bụng con thấy xung đầy, bóng lóng ra là thai thành mụn rọt đó, dùng sâm-chính 2, hoàng-kỳ 3, cam-thảo 1, quy-thân 2, bạch-thược 3, quế tiêm 2, bạch-chỉ 2, phòng-phong 2, cát-cánh 2 liên-kiều 2, kim-ngân 2, hoặc dùng nhân ý-rỹ sắc nước uống.

Nếu thấy bụng da đau xoắn, buồn bầy, xanh xám nét mặt bồ-hôi ra lạnh, hơi thở chả còn tí nào, huyết ra mãi không thôi, thai sốc ngược lên, thì không trị được nữa.

Thai động không yên

Bà chữa khí huyết đầy đủ, hình thể mạnh khỏe thì thai tự yên lặng vững vàng. bằng trong mạch-máu ở nhà con có chỗ hư hỏng thì thai tắt động mà không yên, cần phải xét vì cơ nào để mà điều trị.

Thai động đau bụng mà không ra huyết, nên dùng bài « tứ-vật », thêm sâm-chính 3, hoàng-kỳ 5, đỗ-trọng 3, tục-đoạn 3, sa-nhân 2, uống cho yên lại.

Nếu đau bụng mà ra huyết, dùng quy-thân 3, bạch-truật 2, hoàng-cầm 3, đỗ-trọng 4, tục-đoạn 3, lá-ngải 2, sắc lấy nước bỏ cống-giao 5 đun tan ra mà uống.

Nếu vì mẹ yếu làm cho thai động, muốn hỏng dùng bài « thập-toàn » bỏ phục linh và quế đi, thêm tục đoạn 3, sa-nhân 2,

Vì dận dữ quá, uất lên. làm cho thai động, dùng bài « tiêu dao » thêm hương phụ 5, lá-ngải 2.

Vì nhập phòng giao hợp quá độ động thai ; dùng bài « bát-tiên » thêm sâm chính 5, cao ban-long 3.

Vì vấp ngã, hoặc mang đội nặng quá sức làm cho thai động muốn sứt xuống, dùng quy-thân 5, xuyên-khung 3, ích-mẫu 8.

Có thai mà vì mang nặng, vấp ngã, máu động thành đau muốn uống thuốc hoạt huyết, thì sợ động thai ; không uống thì đau không khỏi. Cần xét thai còn sống hay chết, chỉ dùng đường-đen canh khô, bỏ vào rượu vang, nước-tiêu hòa lẫn mà uống, lấy quả hồ-đào cả

vỏ nhai nhỏ nuốt nước, thai chết rồi thì xuống ngay, bằng còn sống thì khỏi đau ngay.

Đẻ non, đẻ sớm

Đẻ non với đẻ sớm khác nhau ; đẻ sớm là có thai mới được bảy, tám tháng, chưa đủ cái số bào thai thông-thường của giống người là 280 ngày, mà đã sinh đẻ ; đẻ sớm, dẫu thai chưa thực thành thân hẳn; nhưng cũng đã đủ các bộ-phận, và cũng gần đủ khí-lực sống ở trên đời ; nên đẻ khi đó, mà biết cách ương-ấp cũng thề nuôi được.

Đẻ non là trong chừng năm, sáu tháng trở lại, đã hồng trệt ra tức cũng gọi là sảo-non, khi ấy thai chưa đủ sức sinh hoạt, nên không sống được, vả lại thường khi mới có mang hơn một tháng đã sảo ra là nhiều khi hồng, huyết ra tựa như có kinh-nguyệt vậy, nên nhiều khi tưởng là kinh-nguyệt đó thôi.

Bởi thế hễ thấy đàn bà có chổng, mà kinh-nguyệt tắt đi hơn 40 ngày : trong 40 ngày ấy không thấy những bệnh đau bụng máu và các chứng khác làm ngăn trở kinh-nguyệt : thế mà sau lại thấy ra huyết hòn, huyết cục, đỏ thẫm, có thề cho cho là đẻ non.

Vì có gì đẻ non ?

A. — Những người không bệnh tật gì,

1. — Vì có mang rồi, còn giao-hợp quá độ ;
2. — Vì có mang mà làm-làm việc nặng nề, vận động hoặc : đi bộ nhọc nhằn quá sức.
3. — Vì lỡ khi vấp ngã động chạm.
4. — Vì bộ phận nửa dưới người và ngang lưng bị lạnh quá hoặc nóng quá.

B. — Những người có bệnh.

1. — Vì bị bệnh truyền-nhiễm, bệnh đi ly nặng quá, ho nặng và các bệnh trong tim, phổi, lái cật.
2. — Vì có bệnh nhà-con, nhà-con lên mụn, màng trong nhà-con sưng nóng quá, nhà-con sai vình, nhà-con khác thường, không hoàn-toàn.
3. — Vì có bệnh giang-mai.

C. — Người có thói quen, trước đã bị đẻ non một lần, sau quen dạ hồng luôn.

Dự-phòng khỏi đẻ non

Cốt nhất giữ gìn sự giao hợp, theo phép vệ-sinh, cùng là các cách

kiêng giữ ăn uống thuốc thang trong khi có thai như đã nói ở đoạn trên.

Những cách chữa theo lối ngoại-khoa, dùng tay động chạm đến thân-thể, cũng hay làm ra ảnh hưởng không tốt.

Đẻ non hiện chứng thể nào ?

Bà chữa thấy bụng lưng và ngang lưng, thoát tiên đau rất dữ dội, sau chảy huyết ra, rau và thai mới ở trong nhà-con trụt ra ; nếu khi mới có mang một hai tháng, thì chưa có rau, nên chỉ ra huyết hờn, huyết cục thôi. Có mang bốn tháng trở đi mà sả ra, thì đã thành hình, rau cũng thành rồi.

Khi đẻ non như thế nếu chỉ ra huyết mà không ra rau hoặc còn sót một phần rau lại trong nhà con, cần phải dùng thuốc uống cho ra sạch đi. Nếu không chú ý mà để mặc nó, sẽ thành chứng ra huyết đau mãi không khỏi, ngày dần hao mòn ít huyết.

Chữa đẻ non, đẻ sớm

Chứng này phần nhiều phát lại khi có mang 3 tháng, 5 tháng và 7 tháng. Trừ những có tự ngoài làm cho động chạm hồng thai không kè, còn phần nhiều là vì khí huyết hư yếu không vững, không đủ sức giữ chặt được thai.

Bất cứ có mang mấy tháng, hễ thấy còn ít tháng mà đau găng bụng-con, rường muốn đẻ, dùng ngay « thập toàn » bổ thực-địa phục-linh, quế, thêm cống-giao 3, lá ngải sao 2, người tạng vốn nóng thêm hoàng-cầm 3, tạng lạnh thêm phá-cổ-chỉ 3 để giữ vững lại.

Chữa khi đã đẻ non

Đẻ non nặng hơn đủ ngày tháng mà đẻ vì như quả đến ngày chín, rụng núm rơi ra, không sây sát chi đến cây mấy, sinh non thì như bất quả còn xanh, bóc quả chưa chín tất phải đập cạnh sây vỏ. Vậy nên ai lỡ bị chứng này chớ có coi thường mà có khi nguy đến cả tính mệnh.

Đẻ con mà đau bụng, hoặc phát sốt rét, lấy tay ấn vào bụng thấy đau thêm, là còn có huyết ứ đọng lại, hoặc rau sót lại không ra hết, nên bụng sườn đau đầy, dùng xuyên-khung 3, quy-vĩ 3, huyền-hồ 3, đào-nhân 3, hương-phục-chế 3, đan-bì 2, mản-tươi 2, sắc pha nước tiều trẻ giai cho uống.

Bảng đau bụng mà chườm bóp thấy hơi đỡ đau, là huyết hư dùng

bài « bát trâm » thêm gừng-khô sao 3 ; bào-khương 2, ích-mẫu sao 2.

Đau bụng lại thêm thổ, tả, là bộ tiêu-hóa yếu kém, dùng bài « lục quân » thêm bào-khương 3.

Thai hồng rồi mà huyết ra mãi không thôi, mặt vàng môi nhợt dùng một vị sâm chính 5 đồng cân, sắc nước uống luôn, đề bồ lấy khí lực hoặc dùng sâm-chính 3, hoàng-kỳ 5, bạch-truật 3, cam-thảo 1, quy-thân 3, bạch-thược 3, cống-giao 5, lá-ngải 2.

Trị chứng quen dạ đẻ non

Trước có thai mấy tháng rồi hồng sau có thai thường hay quen dạ như thế, vậy nên khi bị một lần rồi, nên uống nhiều thuốc bổ vững lấy khí huyết, cho đổi máu đi.

Phải cho uống thuốc đón trước những kỳ hạn đã quen xảy ra ấy. Nghĩa là có thai hai tháng thì nên uống thuốc ngay.

Có người đã quen hồng hai ba lần là thai lỏng quá.

Cần uống nhiều thuốc lâu rồi mới có thể giữ vững được, dùng bài « bát-trâm » bỏ xuyên-khung, thêm cống-giao 5, lá-ngải 2, lại xét xem tạng vốn nhiệt thêm hoàng-cầm, tạng vốn hàn thêm phá-cổ, hay tức khí đầy uất thêm hương-phụ 2, sa-nhân 2.

Người béo khỏe, da trắng lấm đốm, khí lực ít, thêm nhiều bạch-truật, lại lấy nước chỉ-thực hòa làm viên, cứ sáng và chiều uống với thang sa-nhân 100 viên.

Người hình thể béo khỏe da sần sấn, khí lực mạnh mẽ, không cần uống thuốc, đến 7, 8, tháng chỉ uống nước sa-nhân hoặc nước lá tía-tô là được.

Người gầy da bạch, khí lực yếu kém bội sâm và quy.

Người gầy da đỏ dẫn, là huyết nhiệt thêm nhiều hoàng-cầm.

Đến 8, 9 tháng rồi, người béo khỏe da đỏ dẫn, phải dùng chỉ-xác, cành tía-tô đề thuận khí, chớ có bồ nữa, ngay đến các thức ăn ngon cũng nên ăn ít thôi. Người béo trắng ; khí lực kém thì cần dùng sâm, truật thêm hương-phụ, sa-nhân, đề cho toàn khí được chu lưu. Người da xanh bạch cần phải bồ, không những tô-ngạnh và chỉ-xác, chớ dùng, mà ngay đến sa-nhân, cũng không nên dùng nữa, lỡ làm hao khí tất nhiên khó sinh.

Có khi lỡ dùng những vị thuốc độc, làm cho thai động, thì cứ cho uống nước tiểu trẻ giai luôn. rất hay, nếu không dùng thế, thì lấy nhiều cam-thảo sống, đậu-đen, đạm-trúc sắc uống cũng được,

Xét thai và mẹ lành, dữ

Phàm đàn bà có mang gặp sự khó khăn nguy hiểm xảy ra bất thường, muốn biết tính mệnh của hai mẹ con còn hay chết cần phải xem sắc « mặt » và « lưỡi » người có thai đó.

Nếu thấy mặt đỏ, lưỡi xanh, thì con chắc chết.

Nếu mặt và lưỡi đều xanh cả, hai bên mép chảy rãi ra, thì hai mạng mẹ con hỏng cả.

Phép hạ thai đã chết

Khi bị bệnh nóng quá hỏng thai, hoặc sảy chân sa ngã, hoặc vì có khác chạm động, hoặc khi đau đẻ vì thai to quá, khí trệ, nước ối ỉa ra đã lâu rồi, làm cho thai nở, con chết, mình lạnh đi không ra ngay được ; gặp khi đó vẫn phải nghiệm xem người mẹ mặt đỏ, lưỡi sẫm trong bụng lạnh giá, nặng sa xuống, đó chính là cái điềm hỏng rồi.

Nhưng không bằng thấy ra máu hèn. máu dây tím đen, rất là đúng hơn.

Nếu đến khi cả móng tay và lưỡi đều xanh xám, bụng đầy, hơi thở xuyên, trong miệng có hơi hôi thì nguy lắm rồi.

Cần cho ngay bà đỡ. dùng cách lấy ra, chậm thì không gỡ được nữa.

Thai lạ thường

Có người, kinh nguyệt tự nhiên tắt đi, bụng to ra như người chứa thật.

Nhưng màu da, nét mặt khi đỏ, khi nhợt ; mạch khi lớn, khi nhỏ, có người mê tin cho là ma quỷ chi chi, không có bằng cứ nào cả.

Xét ra chỉ vì khí nóng trong mình vẫn không được đầy đủ, lại thêm nghĩ ngợi uất kết, không được như ý ; tình chí cảm động, nên khí huyết trong mình kết đọng không hóa tan đi mà ra thế.

Có khi vì lúc kinh nguyệt đang có, lỡ uống thức lạnh, kinh mới động lại mà thành ra, có khi vì đờm kết đọng lại nữa.

Bụng dẫu to dần nhưng hơi bằng phẳng, nặng nề, khác với khi có thai thật.

Ngay chỗ rốn, hoặc dưới rốn, bên rốn dẫu hơi động, nhưng cũng khác xa với thai thật.

Trị nên điều hòa khí huyết cho lưu thông đi là khỏi.

Vì uất, dùng bài « Tiêu-dao » thêm nga-truật, ô-dược, hương-phụ, xạ-hương.

Vì lạnh, dùng « Lý-trung » thêm ô-dầu, nga-truật, hương-phụ.

Vì đờm, dùng « Nhị-trần » thêm nam tinh, chỉ thực, ô-dược, đào-nhân.

Vì huyết kết dùng đại-hoàng, đào-nhân, diêm-tiêu, lưu-huỳnh, nga-truật, sơn-giáp, vĩ-quy, quế-chi, ngũ-linh-chi.

Người hư yếu quá mà bị các chứng đó, phải dùng bài « Thập-toàn » thêm phụ-tử-chế, cho khí huyết đủ sức lưu thông, thông thả mà trị mới được.

Đề không thành hình

Có người tắt kinh, có mang thật, mạch xích khi sáp, khi nhỏ nhược, mỏng mảnh quá, mà không có bệnh, là khí nóng nhà con không được hoàn toàn, tinh huyết dẫn tụ lại, mà không đủ sức biến hóa cho thành hình, đến khi đẻ ra cục huyết hoặc bừu huyết. Chứng này cần dùng đại tể ôn bổ điều bổ phòng đi, lần sau mới có thể thành thai chân chính được.

Ruột to, khí tích

Có người tựa như có mang, nhưng không động dẩy như thai thật, bụng cứ mỗi ngày to dần, chứng này phân biệt có kinh nguyệt hay không, mới có thể biết được rằng bệnh tại khí hay tại huyết.

1. Kinh nguyệt cứ tháng nào cũng có như thường, là vì khí lạnh, trú vào ngoài ruột, ngoài bị ngăn trở, khí không bốc ra để làm cho các cơ thể đầy đủ như mọi người : nó chỉ thành ra mỡ bám quanh vào ngoài ruột, nên ruột ngày to lên, trước còn bám như lòng trắng trứng gà, dần dần to thêm như người chứa vậy, ấn vào thì rắn, lay đi lay lại được.

Chứng này, tôi đã trị một người đàn bà có chồng, năm 18 tuổi sinh một lần không ra gì, rồi sau cứ thấy bụng to lên mà người còm đi.

Khi người đó đã gần 40 tuổi, mới nhờ ông thầy thuốc tây mò ra, thấy quả nhiên ruột quấn toàn những mỡ cả, mà không có bệnh gì, sau họ cnữa cũng không khỏi.

Lại về uống thuốc của tôi, tôi xem ra mạch tỳ chậm và vô lực, tức là bộ tiên hóa kém, sức nóng không đưa các chất mỡ dầu ra làm thịt, mà chỉ quẩn vào màng mỏng quanh ruột làm cho to lên thôi. Cứ ôn-bổ chân tỳ cho khí lưu thông thì lại dễ chịu ngay.

Xét ra chứng ruột to là bệnh tại phần khí không thông, chớ huyết không can chi, nên vẫn có kinh nguyệt như thường dùng tam-lăng 3, nga-truật 3, thanh bì 3, trần-bì 3, mộc-hương-chính 5, đinh hương 5, hồi-hương 3, xuyên-luyện 2, hạt quýt 3, chế kỹ hòa bột mì làm viên, uống với rượu mỗi liều 50 viên lúc đói.

2. Bụng to, không động đập chi cả, mà kinh nguyệt không ra, là chứng tích khối ở nhà con. Vì khí lạnh trú ở cửa nhà con, làm cho cửa nhà con lấp lổ, khí không lưu thông đi, huyết cũ, huyết xấu chính lẽ phá hàng tháng ra ngoài thay đi, mà lại không ra, bởi vậy mới đọng lại, ngày càng to bụng như bụng chứa, thế là khi có bệnh, rồi sau huyết cũng đọng thành bệnh nên kinh nguyệt không ra nữa, dùng tam-lăng, nga-truật, quy-vĩ, sinh địa, thược rợc, đơn-bì, huyền-hồ, quế-tâm, ô-dược, hộ-phác, lưu-ký nô, tán bột cho uống, để kinh thông ra, rồi sau sẽ dùng xuyên-khung, loan-quy, bạch-thược, sâm-chính, mạch môn, cam thảo, bán hạ, ngô thù, quế tâm, gừng tươi, đơn bì, mộc-hương.

Khi sắp sanh

Có mang đủ tháng (tức là 280 ngày) sắp đến khi sinh trong bụng nếu thấy đau chuyển cần phải yên tâm, chớ có kinh sợ phải biết rằng: sự sinh đẻ là sự thường, ví như buồng cau đến ngày tung bẹ mo mà nở ra, măng tre đến ngày tự trổ đất mà mọc, loài chim ấp trứng như gà vịt đủ ngày tự nhiên vỡ vỏ trứng mà ra, loài thú có mang, đủ ngày cũng tự sinh đẻ ra, ấy từ loài không tri giác cho đến loài có tri giác cũng chẳng cần ai khó dẫn chi cả tự nhiên như thế, chẳng phải miễn cưỡng nào buộc chi người là loài khôn ngoan hơn nữa có lẽ nào lại khó khăn ru?

Vậy nếu khi đến ngày có mang đủ tháng, thấy đau bụng, cứ việc thư thái nằm nghỉ ngay gần koặc khi dậy đi lại thông thả, để cho con trong thai dễ chuyển.

Buồng đẻ. — Trong buồng đẻ, nên tùy thời tiết nóng, lạnh, sao cho vừa phải, chớ để nóng quá hay lạnh quá, mùa nắng nếu để nóng quá, hay sinh choáng váng, mùa rét nếu để lạnh lẽo quá hay làm cho huyết đông đọng lại, khó sinh.

Đau đẻ và đau thử

Hễ thấy đau một cơn này chưa dứt, lại đau cơn khác, luôn năm, sáu cơn, càng đau càng ngặt, mới là đau đẻ. Nếu đau lằm nhằm, đau xong lại yên lặng như thường, mà lưng vẫn không đau, thế là đau thử; vì có thai đến tám chín tháng, các cơ thể trong đứa trẻ đã đủ cả đã động dậy mạnh được, khi trong bụng người mẹ nóng quá, hoặc ăn ở không hợp phép vệ sinh, làm cho thai không được yên, nên mới động đến mà thành đau, không nên vội vàng lo sợ chi, cứ nằm yên nghĩ ít lâu, ăn uống như thường là khỏi. Bằng còn đau nữa, uống một vài chén thuốc bổ huyết yên thai là yên ngay.

Giờ sanh

Phàm trẻ con sanh ra đã có cái thì giờ chân chính, tùy theo sức lực của nó, trừ vì có gì khác thường, làm cho nó phải ra, không đúng thì giờ, còn những thai thông thường khỏe mạnh, thì đều tùy nó đến kỳ thành thụ, tự biết chuyển động tìm lối ra, như gà trong trứng, đến ngày là mổ vỏ trứng nở tung ra.

Vì tự ý của con trong thai biết tìm lối mà ra lúc nào thì ra, nên có cái thai vừa đủ 280 ngày là mực thông thường của loài người thì nó ra ngay, mà cũng có cái thai chậm lại 11, 12 tháng, hai năm, ba năm mới sinh ra. Đó là nó không chịu tìm lối ra đó thôi; đã không chịu tìm lối ra; thì còn ai bắt ép được, đã tìm lối ra thật, còn ai ngăn đón giữ lại được.

Vậy thì cái thì giờ chính lúc trẻ con tìm lối ra, là như thế nào?

Đến giờ, thì đứa bé quay xuôi ngay đỉnh đầu nó xuống thẳng cửa mình, bao nhiêu khớp xương trong mình mẹ lỏng nới cả ra, bụng trên sụt xuống, lưng và bụng sa sút nặng trĩu lạ thường vừa mót đá, vừa mót ỉa quá, mặt nầy đom đóm, đỏt trong và đỏt giữa ngón tay-giữa máy động, thế mới là chính lúc sanh thật; lúc đó sẽ ra sức rặn một hồi, là sanh ngay, chớ chẳng khó chi.

Sự ra sức rặn, phải đợi thực đủ các dấu như trên, chớ có vội quá, cái giờ đó chỉ chớp lát thôi, ví như đi đại tiện, chưa đến lúc mót, dấu rặn cũng không ra, huống chi là giờ sinh.

Lỡ rặn sớm quá thì xảy ra lắm sự khó khăn, bằng chậm không rặn thì cũng không can chi cả, vả lại quả đến đúng thì giờ sinh thì không bao giờ lại không ra, nên có người vừa đau không kịp rờ mà đã sinh ngay, là vì khí lực của thai đã đầy đủ tự nó muốn ra, dấu muốn giữ lại cũng không thể được, ấy ai ai đã có thai, thì cũng có một thì giờ

như thế chỉ cốt nin nhịn đợi cho đến được thì giờ ấy mà ra sức, thì chắc rằng mẹ tròn, con vuông, không còn ngại chi nữa.

Thuốc rã sanh

Có thai đến tám, chín tháng thấy bụng to quá chừng, là con trong thai bụ quá, người mẹ vẫn mạnh khỏe, nên dùng bạch truật 8, bạch linh 8; trần bì 3, hoàng cầm 8, sắc nước uống để cho thai gọn lại, khí lực mạnh lên, thì rã sinh.

Có thai đã được chín tháng rồi, nên dùng xuyên khung 1, quy thân 2, bạch thược 2, cam thảo 3, bạch truật 2, trần bì 2, đại phúc bì 2, tô ngạnh 2, gừng tươi 3 lát, hành trắng 2 củ, người béo khỏe thêm chỉ xác 2, hương phụ 2, người còm yếu thêm sâm chính tốt sắc uống mười thang, sau khỏi bị chứng khó sinh ai uống nhiều thì khi sinh chắc chẳng đau bụng mấy nữa.

Khi sắp sinh, thấy bụng và lưng đau quá mà chưa sinh được dùng toàn quy 10, xuyên khung 5, sắc pha ít rượu cho uống, bằng người khí lực vốn yếu, chỉ dùng nguyên một vị sâm chính tốt để uống là được, rất hay.

Điều nên biết trong buồng đẻ

Buồng đẻ nên êm lạng như thường, chớ cho nhiều người vào huyên-náo, chỉ một, hai người bà-đỡ vào trông nom thôi.

Chớ cho xoa vuốt cho đỡ đau, vì đang khi đứa bé xoay chuyển mà động chạm tay vào, chỉ làm cho ngăn trở sức nó, chớ không có thể giúp đỡ cho nó được tí nào đâu.

Chính mình người đẻ chớ có cúi lưng, vắn mình, cho đứa bé khó xoay ; phải biết rằng : khi đó không ai có thể đỡ được một chút nào đâu, mình phải yên tâm, cố chí mà chịu mới được.

Người ngoài không được nói chuyện thì thảo, than thở ; làm cho người đẻ ngờ sợ, lỡ việc.

Bộ-phận đứa-bé khi sắp sanh

Nên biết các bộ phận của đứa bé khi sắp sanh có ba phần khác nhau : Bộ đầu, bộ dít và bộ ngang mình.

Bộ đầu : có đỉnh đầu, thóp đầu, trán và mặt ; đỉnh đầu thì tròn và rắn.

Bộ dít là mông và gối-chân, bàn chân, mông dít thì lệch và mềm.

Thông thường thì khi sinh, đứa bé xoay chuyển chỏm đầu ra thẳng cửa mình là rất dễ dàng bình yên.

Khó đẻ

Nguyên nhân khó sinh vì có nhiều cơ :

Vì khi có thai, chỉ ham nhàn rỗi, không chịu vất vả, làm, vận động, chỉ hay nằm ngủ làm cho khí đình trệ yếu ớt, nên mới khó sinh.

Vì khi sắp sinh, sợ hãi, lo lắng làm cho khí lực rút rút.

Vì chưa đến thì giờ nên rặn, đã rặn hết sức ; nên khó sinh.

Vì nhà con bị thương, ra huyết, huyết ra làm lấp cửa mình :

Vì nước chiều vỡ ra sớm quá, huyết ít nước khô ráo đi.

Xứ lạnh, giờ rét quá, làm cho huyết đọng đông lại, cũng đều làm cho khó sinh.

Đứa bé sanh ra không khóc

Phạm gặp chứng khó-sinh, hoặc giờ lạnh, đứa bé sinh ra không khóc, hay đã ngất đi, cần dùng khăn (tã) bao bọc : hay lấy dầu thơm thấm giấy, đem cuống rau, hơi đốt dần-dần cho đứt ra, để khí nóng truyền dần vào bụng, thì đứa bé sẽ dần-dần tỉnh lại, khóc lên, mới có thể sống được, nếu lỡ cắt ngay rốn trước thì chết.

Sanh ngang, sanh ngược

Đứa bé trong thai, đến khi sinh, đầu quay lộn xuống cửa mình mà ra, nếu đứa bé chưa hơi chuyển quay mình xuống, mà mình đã vội ra sức rặn, thì chân nó ra trước, gọi là đẻ ngược.

Hoặc khi mình nó chưa xoay xong hẳn đầu xuống mà mình vội dận thì thai nằm ngang ra, và ra một cái tay trước.

Có khi nó xoay chưa được thiết thẳng, vội ra sức rặn sớm quá, thì ra lệch một bên trán, hoặc một bên mông ; mà không ra được, những có ấy chỉ tại chưa đến thì giờ, đã bắt rặn sớm quá, mới thành ra thế.

Gặp những khi đó, chớ nên tỏ cho người để biết sự khó khăn kinh hoảng, cứ cho nằm yên nghỉ, rồi bà đỡ rửa thiết sạch tay mình, rồi nâng tay hay chân của đứa trẻ ấy thông thả, khẽ khẽ đưa vào ; rồi lại cứ yên nghỉ, đợi đứa trẻ lại xoay chuyển mình nó chính

thẳng cửa mình, sẽ nên ra sức rặn ra.

Cứ yên tâm thông thả đưa vào, thì không cần chi, bằng cứ xông xáo động chạm, uống thuốc rồi lên, chắc sẽ hỏng mất.

Mối ối ra rồi mà chưa sanh

Nước mối ối là một thứ nước ở trong bào thai, thoát đầu trong suốt, không có sắc gì cả, dần dần hiện ra màu vàng hoặc biêng biếc, mà đục lờ lờ ; trước rất có ít chút thôi, sau ngày dần thêm nhiều lên.

Công dụng của nó : hộ vệ cho thai được yên toàn, cho thai dễ vận động, dễ nở nang.

Đến khi sắp sanh, chảy ra trước cho trơn đường dễ sanh.

Nếu khi nước đó đã vỡ chảy ra rồi, mà con chưa ra, thế gọi là nước thấm ; như thế có khi cách hai, ba ngày, hoặc năm bảy ngày mới sinh, nên cho uống bài « Bát-trần » bội huyền sâm chính để giúp sức và khởi vào.

Khớp-xương lỗ-đẻ không mở

Xương này tức là hai cái xương bạnh ở hai bên háng liền lên làm thành ra. đàn ông cũng có xương ấy, nhưng lỗ nhỏ mà liền chắc. xương này của đàn-bà thì lỗ to rộng hơn nhiều và hơi bầy lỏng, người đàn-bà nào, xương lỗ đó bé thì khó sinh vì đầu đứa bé khó chui lọt ra.

Có người đàn-bà, khi sinh, xương đó không dần mở rộng là vì mới sinh một lần đầu-tiên mà phần nhiều vì khí huyết không đầy đủ cả, dùng 1 lạng toàn-quy, 1 lạng xuyên-khung, xương ức-rùa 5 đồng cân, tẩm dấm sao sém, nghiền nhỏ, và một nắm tóc đàn bà khỏe mạnh đã sinh để qua một vài lần rồi sắc nước cho uống để khai thông huyết mạch cho hoạt-bát, uống : thì xương đó mở rộng ra ngay.

Ruột theo con ra

Ruột người ta có các màng ràng chặt giữ lấy, có người những màng ràng ruột không được vững vàng, khi sinh ruột trôi ra, trước hoặc khi sinh con thì ruột cũng theo ra, người mạnh thì sinh xong ruột trôi ra trước lại thụt vào.

Có người sinh xong rồi mà ruột vẫn không vào ngay khi ấy phải lấy ngay nước sạch hơi ấm ấm bỏ vào chậu sành rửa sạch, cốt

cho ôn-hòa, trơn ướt, chớ có để giấy bần khô-khan hoặc dính vào vật gì khô, thì không lên được nữa, chứng này cốt có bà-dỡ tinh nghề cần-thận thì hơn.

Trong cho uống bài « bồ-trung » đại tể, ngoài dùng hạt thầu-dầu-tia giã nát đắp vào đỉnh đầu khỏi thì thôi.

Rau không ra

Rau bà-dỡ là một cái lá thịt xốp mềm, hình hơi tròn bầu-dục, sắc đỏ xám, tùy theo thai to, nhỏ mà có khác, ở giữa giấy, chùng quanh mỏng dần, mặt trong có cái cuống rau, ở đấy có nhiều mạch máu đi ra chung quanh, coi như là sen bọc bằng mỡ dê. Mặt ngoài bám vào màng nhà-con, ở đấy có nhiều những luồng lạch, đến khi sinh nó long rời ra,

Công việc của rau là làm cho khí huyết hai mẹ con lưu-thông với nhau, cho thai được nẩy nở hoàn-toàn. trợn đến sinh ra ngoài thì thôi.

Những người khỏe mạnh, khí huyết vốn thường vận-động chu-lưu, thì sinh xong, rau cũng ra ngay.

Những bà đỡ sành nghề, thì khi sinh xong, họ cũng lấy ngay ra được, thường khi có người chậm ra, cũng không lo ngại chi, cốt đem giấy gai sạch, buộc lấy cho khỏi thụt lên, rồi đem nước hành nóng rửa chần bụng, rốn, là rau ra ngay.

Có khi rau không ra, trong bụng đầy trướng, thở ách, nguy-cấp, dùng ngưu-tất, xuyên-khung, bồ-hoàng sao, đơn-bì, quy-vĩ đều 2, quế-tâm 1, tán bột uống mỗi liều 20 grammes với nước tiểu, thì nó nát rừ, rồi ra ngay.

Hoặc dùng một-rược và huyết-kiệt tốt tán, uống với nước tiểu cũng hay.

Sanh rồi nhà-con lồi ra

Sanh xong rồi, nhà-con lồi ra, không rút lên như thường được, là vì khí lực yếu kém quá, sụt xuống, trong uống bài « bồ-trung » ngoài cho bà đỡ đưa lên.

Cửa mình không khép kín

Sinh xong rồi, mà thấy cửa mình không khép kín lại, là vì khí huyết không đủ sức rút lại : cũng có người mới sinh một lần đầu tiên, bị đau sưng rức.

Người vì khi huyết không đủ, dùng bài « thập-toàn » người vì đau sưng, thì sắc thiết đặc nước cam-thảo, mà rửa là khỏi sưng ngay.

Choáng váng ngất đi

Sinh xong rồi, huyết bốc lên mê mẩn tâm thần, mắt này đom-đóm, choáng váng như người trúng phong, miệng cần nghiền chặt, đờm rãi kéo lên tắc cả, cần dùng ngay nước tiểu trẻ-giai cho uống, để cứu tỉnh lại.

Vừa sinh xong mà huyết bốc lên mê đi, phải nâng ngay rây cho hơi cao đầu lên, phải nâng khẽ chứ, chớ động mạnh quá, chớ cho nằm ngả quá.

Lấy ngay một nắm lá hẹ thái nhỏ ra, bỏ vào cái bình có vòi đem dấm đun sôi, để vào bình đó, đây ngay lấy miệng bình đưa vòi quay vào lỗ-mũi người để cho xông vào trong mũi là sống tỉnh lại ngay.

Lại cần xét xem vì có gì? — vì huyết không ra mấy mà mê đi và huyết ứ đọng lại, bốc lên, làm lấp mạch máu của lá tim, chẳng biết chi nữa, thì mặt và môi tất tím lại: phải phá huyết cho tan đi; dùng vĩ-quy 5, huyền hồ 4, huyết-kiệt 3, một-rược 3, kinh giới 5, sắc sôi qua, pha nước tiểu cho uống.

Vì huyết ra nhiều quá mà mê đi, thì mặt, môi tất thấy bạch nhợt đi, là huyết hư nhược quá, phải bổ huyết ngay, dùng sâm-chính 3, quy-thân 5, xuyên-khung 2, hoa kinh-giới 5, lá màn tươi một nắm, sắc xong pha nước tiểu trẻ-giai cho uống.

Máu đỏ không ra

Khi đứa bé xoay chuyển và rau ở nhà con long ra, những vết thương ấy chảy máu ra, thứ máu đó cần phải cho tiêu ra sạch mà tại không ra được: có khi vì gió lạnh làm cho khi huyết đông đọng lại không ra, thì tất nhiên trong bụng đau đầy; dùng bồ-hoàng, ngũ-linh, hai vị đều nhau, sao cháy cả; nấu hồ với dấm thanh làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 10 grs với nước dấm thanh.

Nếu vì khi sinh ra huyết nhiều quá, sau không còn huyết nữa mà chảy ra, thì nét mặt chắc vàng, bạch ra, bụng chắc không đau mấy, dùng « Tứ-vật » thêm sâm-chính, hoàng-kỳ, cho thông ra.

Huyết ra mãi, không sạch

Sinh xong lâu ngày, huyết ra cứ đầm đìa không sạch, xem thấy

huyết ra vẫn đục, tanh hôi, là trong còn ứ đọng lại, hoặc rau sớt không ra hết ; dùng xuyên khung 5, quy vĩ 8, sắc hòa nước tiểu hoặc rượu cho uống. Nếu thấy ra nhờn nhợt không tươi, là mạch máu trong nhà-con hư hỏng kém sức, không đầy kín lại được, nên những chỗ vết thương khi để không liền, mà cứ chảy mãi ra, dùng bài « Thập-toàn-đại-bồ » thêm cống-giao 3, tục-đoạn, để bồ cho vững liền lại.

Băng huyết nhiều quá

Sanh xong rồi máu-để cứ ra từ từ, dần hết sạch đi là sự thường nếu lại băng huyết ra nhiều quá độ, người mệt lử đi, thế là khí-lực yếu trống không thu dẫn được huyết cho đi về các kinh mạch cũ, mới chảy lao lảng ra, cần phải dùng bài « Quy tỳ » cho uống thật nhiều.

Nếu lại thấy thêm chứng ra bồ hôi, nhọc thở là chứng nguy lắm huyết thoát hết, khí tan tác cả rồi, dùng ngay sâm tốt 5, phụ-tử-chế 2, cống-giao 5, sinh-địa 5, phục-linh 5, cam thảo 3, để cứu gỡ lại.

Cũng có người vì uất dận quá mà máu chảy toang ra lênh láng, thì dùng bài « Tiêu dao » thêm cống giao 5, mẫu-lệ, than vô móc (tông-lư), chi nhân, lá sen, hương phụ đều 2,

Huyết bốc lên phổi

Khi sinh rồi, chính lẽ huyết đi xuôi xuống mà ra ngoài vì phổi hư yếu không đủ sức dẫn đưa xuống, nên huyết mới bốc lên được ; hiện ra miệng, mũi đen xám, mặt tím như trái-cà chín thẫm, hoặc đồ máu mũi ra nữa, là cái đềm khí bốc ngược, huyết xông lên, hoặc khi ho rũ, hoặc khi thở rốc muốn chết, nên dùng sâm tốt 5, tô mộc 4, sắc cho uống với nước tiểu, chớ uống với rượu mà nguy, đồ máu mũi thêm hạnh-nhân 3, ho thở thêm ngũ-vị 3.

Thở rốc

Sanh xong rồi thấy thở rốc lên là chứng rất nguy, nếu thấy nét mặt tím đen, mà huyết ứ không ra được, bốc lên vào phổi mà thành thổ, người đó vẫn khỏe dùng ngay một-rượu, huyết-kiệt thật, hai vị đều nhau, tán mịn cho uống với nước tiểu nóng, thì khỏi thổ ngay. Bằng người hư yếu kịp dùng sâm tốt 1 lạng, tô mộc 2 lạng, sắc, pha nước tiểu uống.

Nếu vì huyết ra nhiều quá mà thở, là tại chân huyết hết đi bao

quá, khi không nương tựa vào đầu, mà lưu thông được nữa, mới bốc lên; cần dùng ngay sâm tốt một lạng, phụ tử chế 3, sắc nước, mài trầm-hương chính cho uống luôn luôn, may gỡ lại được.

Mê cuồng, nói nhảm

Sanh rồi, mê cuồng, múa hát, chửi mắng, quá nửa chạy nhăng đánh càn, nói tợ ma quỷ, thần thánh, là vì huyết ứ bốc xông lên mạch máu của tim, hay chết, dùng hoa-nhị-thạch thật, chế uống với nước tiểu rất hay, không có, dùng vĩ quy, thược rược, quế tâm, hương tân, hồ phách, xạ hương, các vị đều 2 grammes, nghiền mịn, mỗi liều 3 grammes với nước tiểu, nước gừng và rượu.

Nếu chỉ buồn bã, mê man thôi, không đến nỗi cuồng, thì tại huyết trong tim ít kém, thần không giữ vững được mà thành ra thế, dùng sâm tốt 5, hoàng kỳ 5, quy thân 5, sanh địa 5, phục thần 5, viễn chí 3, cam thảo 2, cát cánh 2, hồ phách 3, táo nhân 3, sắc mài chu-sa tốt cho uống, rất hay.

Hoảng hốt kinh sợ

Sanh xong, hoảng hốt kinh sợ là vì huyết hư, dùng sâm tốt 3, hoàng kỳ 8, quy thân 3, sinh địa 3, bạch thược 2, phục thần 3, hồ phách 3, long cốt 2, ngưu tất 2.

Nếu vì lo nghĩ âu sầu thì dùng bài « quy tỳ » thêm long cốt sắc xong lấy chu-sa mài vào uống.

Lưỡi cứng không nói được

Lưỡi là then máy phát ra tiếng nói, có hai mạch của tim và thận thông ra. Khi sinh rồi, nếu vì một lẽ nào làm cho mấy mạch máu ở cuống lưỡi tắc đi, sẽ thành không nói được nữa.

Vì huyết bốc lên tắc lại, người vẫn khỏe, dùng sinh địa 3, xuyên khung 3, sâm chính 3, phòng phong 2, xương bồ 3, hương tân 1, sắc nước, mài chu sa 5 cho uống.

Vì huyết hư kém không lưu thông nên khí cũng vướng lối không thông ra lưỡi được, dùng bài « bát trân » thêm xương bồ 3, viễn chí 2.

Vì đờm nóng bốc tắc khiếu, dùng « nhị trần » thêm đờm tinh 3, hoàng liên 2, xương bồ 3.

Các chứng không nói được mà thấy lưỡi hơi co lại, đều nên thêm câu đẳng.

Trúng phong

Sanh rồi thấy hiện các chứng như chứng trúng phong, đều là chứng « tợ trúng phong » chứ không phải là « trúng thiệt » đâu.

Khi sinh rồi, khí huyết đều hư kém quá, rầu có trúng phong cũng chỉ nên bồi, lấy bài « thập toàn đại bổ » làm cốt, rồi tùy theo hiện chứng gia những vị giúp sức đề trị, thấy thêm chứng đau, là huyết trệ, gia thêm những vị hành huyết, mà hành huyết là một điều cần nhất trong các phép trị phong, kinh-giới và nước tiểu là hai vị thường mà có nhiều công hiệu, chữa các chứng phong, đều nên thêm vào.

Chân tay tê liệt

Chân tay tê liệt, là huyết xấu đọng lại ở kinh lạc, dùng bài « Ngũ tích » lại có người béo đầy, mà khí lực lại yếu kém, sinh xong rồi chân tay run bầy xuôi ra không rẩy được, nên cứ : sáng uống bài « Lục quân » để bổ khí ; chiều uống bài « Tiêu dao » thêm xuyên khung, hương phụ, để hành khí, uống lâu mới khỏi.

Nghiến răng, cứng mình

Sanh rồi, khí huyết không được đầy đủ, tạng phủ đều trống rỗng cả ; mồ hôi ra nhiều, thớ thịt không kín, không đủ sức chống lại với gió độc ở ngoài, bởi vậy dễ cảm vào, có khi nặng thì nghiến răng, cắn miệng, đầu, cổ, lưng, và vai, cứng thẳng, nổi lên như uốn tấm ván, đều là chứng hư yếu cả, dùng bài « Thập toàn » thêm phụ tử chế, phòng phong đề trị cần ngay, bằng thấy lắc đầu, thở rốc mồ hôi ra ròng ròng không thôi, hai tay vơ nắm bằng quơ, như người bắt chuồn chuồn, thế là nguyên khí đã hết rồi, chỉ còn những khí độc, chắc chết không sai.

Rút gân, xuột gân

Sanh rồi, huyết ra nhiều quá hết chất mát đi, chỉ còn khí nóng mạnh quá, không có đủ chất mát để nuôi gân, thành ra giật gân co gân, rút gân phát nóng, sợ lạnh, lòng buồn, khát ; chớ cho là phong mà trị xằng, phải cần bồi cả khí và huyết. dùng « Bát-trân » thêm

nhiều sinh-địa, câu-đẳng, đan-bì. Nếu yếu quá, không còn khí lực, co rút gân lại, mắt trợn ngược lên, con ngươi đờ ra, mình uốn nống lên, ra mồ-hôi nhiều quá không thôi, thì không thể trị được nữa.

Bằng chỉ bị co gân đau rứt không duỗi ra được thôi, xét xem không có mồ-hôi dùng bài « Tứ-vật » thêm sài-hồ, mộc-quả, quế-chi câu-đẳng, vừa dưỡng huyết, vừa khu phong.

Nếu có mồ-hôi dùng bài « Thập-toàn » thêm cống-giao, tục-đoạn, đề bồ cho khí huyết mạnh thì khỏi.

Thở sọc, đầy đau

Sanh xong, thở xóc ngược lên, bụng đầy, đau tức, không ăn uống được dùng « Nhị-trần » hợp bình-vị, trần-bì, bán-hạ, chỉ-xác hậu-phác, can khương, quế-tâm, nếu khi vừa mới sinh xong mà phải ngay, thì là huyết chạy sọc lên dạ-dầy rất nặng ; bằng ngô ăn thì thở ra chua, đầy ợ, dùng « Lục-quân » thêm hương phụ, sa-nhân sơn-tra, đề tiêu thức ăn, nếu thấy thở ra nhiều đờm rãi, thì là tại có đờm dùng « Nhị-trần ».

Nắc

Sanh xong rồi bị chứng nắc ; thấy mắt đỏ, nước tiểu đỏ là nóng trong dạ-dầy, dùng tinh-tre, tai-hồng, vỏ bưởi tía (quất-hồng), sắc cho uống ; bằng trong dạ lạnh dùng đinh-hương, bạch đậu-khấu, đất lòng-bếp, tán mịn sắc nước đào nhân, ngô-thù cho uống ; nếu cũng chưa thấy hiệu-nghiệm, dùng ngay sâm chính 3, phụ-tử chế 1, gừng tươi 3 lát, sắc uống.

Bằng thấy trong bụng cần nhói từng chỗ, dùng ngay bài « Đại-sài-hồ, thêm đào-nhân, tô-mộc, đan-bì.

Đau dạ-dầy

Sanh xong đau ngang dạ-dầy, thở khan, ra rãi bọt, chân tay lạnh toát móng chân tay xanh bạch ra là vì cảm gió vào dạ dầy làm cho khí huyết đọng lại khó thông, dùng ngô-thù 3, can-khương 3, quế tâm 2, viễn-tri 2, hương-tân 1, quy-vỹ 3, bạch-thược 5, cam-thảo-chích 2, độc-hoạt 3, mật ong nửa chén, bỏ thuốc sắc sôi vài lần đồ bã đi, sẽ đồ mật vào đun lại, chia đôi, làm hai lần uống.

Nếu vì ngô ăn đình-trệ lại thành đau, tất có kinh cơ, thở ra thức ăn : dùng « Nhị-trần » thêm mộc-hương, sa-nhân, sơn-tra, mạch-nha

Nếu đại-tiện táo kết tiểu-tiện đỏ mà khó đi, khát muốn uống nước lạnh, là trong dạ nóng thực dùng « Tứ-vật » thêm đại-hoàng, phác-tiên, cam-thảo.

Đau bụng

Vì huyết không ra, mà đau bụng, là huyết ứ đọng lại dùng ngũ-tinh, bồ-hoàng nửa sống, nửa sao, hai vị đều nhau tán mịn, sắc nước rượu với đường, hòa thuốc bột đó, mỗi liều uống 10 grammes, cách một giờ đồng hồ lại uống.

Vì huyết ra nhiều quá, mà đau bụng, là huyết hư, dùng bài « Kiến-trung » bội thêm nhiều quy-thân.

Vì gió lạnh, nên khí huyết trở hờ ra, vào trong dạ con làm thành đau bụng, tất thấy hiện ra những chứng đau lạnh, dùng xuyên khung 3, quy-vĩ 5, quế lâm 5, tán bột cho uống với rượu, mỗi liều 10 grammes.

Vì ngộ ăn mà đau bụng, tất kinh ắn, buồn nôn, dùng « Lục-quần » thêm sơn-tra.

Đau bụng dưới

Sanh rồi, bụng dưới (bụng-con) đau phải xem huyết ra nhiều ít; nếu huyết ra ít, đọng lại thành hòn, nổi lên trong bụng-dưới mà đau, dùng tam lăng, nga-truật, hương-phụ, xích-thược, cam-thảo, đào-nhân, các vị đều nhau, tẩm dấm cả rồi sao tán mịn, uống lúc đói với nước đường, mỗi liều 10 grammes

Bằng không có hòn chi cả dùng « Tứ-vật » thêm hương-phụ, ô-rước cam-thảo sắc uống.

Đau vừa vừa thôi, là khi sinh huyết hòn chưa ra hết, cùng là chứng đau mà khô rần, nhưng tiểu tiện vẫn thông lợi, là đau, vì huyết ứ lại, đều dùng quy-vĩ, thược-rước, quế-tâm, hồ-phách, hồng-hoa, huyền-hồ, bồ hoàng sống, các vị đều nhau, tẩm dấm thanh một đêm, rồi sao khô, tán mịn, mỗi lần uống 10 grammes với rượu.

Nếu bụng dưới đau rần, mà tiểu tiện không thông lợi, khó đi; đây đau : là nước đọng thành đau, vì dùng nước thụt vào nhà con rửa ráy, lỡ khi không được thứ nước vừa độ, mà dùng phải nước hơi lạnh, thì dễ phát sinh thành chứng đau bụng dưới bởi nước đọng này lắm, nên dùng bài « Ngũ linh » thêm hồ hoàng, đơn bì,

Nếu thấy khô rắn, sưng đỏ, mà đau; là sắp muốn thành chứng đau màng nhà con, đi tiểu không thông, đau buốt, phải dùng ngay can-khương, quế-tâm, mộc-hương, ngô-thù, đan-bì, bán-hạ, quy-vĩ, cao-bản, phòng phong, hương tân, mạch-môn, cam-thảo các vị đều nhau, sắc uống, cho tan đi.

Đau sườn.

Đau sườn bên trái là huyết của mạch thuộc gan đình trệ, dùng huyền-hồ, quy-vĩ, thược-rượu, hồng-hoa, quế-tâm, hồ-phách, bồ-hoàng sống đều nhau, tẩm dấm một đêm, sao tán, mỗi liều uống 10 grammes với rượu.

Đau sườn bên phải, là khí trong mạch của gan đình-trệ, dùng « Tứ quân » thêm sài-hồ, thanh bì, chỉ-xác.

Đau cả hai bên sườn, là huyết của mạch gan hư kém cả, dùng « Bồ-trung » thêm quế-tốt sắc làm thang uống với viên « Lục-vị »

Vì ra nhiều huyết quá mà thành đau, cùng là khí huyết đều hư kém cả, dùng bài « bát trân » thêm quế tốt sắc uống nhiều, bổ cho huyết đầy đủ thì tự nhiên khỏi.

Đau lưng

Sanh xong rồi, huyết xấu dần dần ít đi, tự nhiên không thấy ra nữa lưng đau nặng trĩu, chạy cả xuống hai bên đùi đau như đùi đâm vào xương là vì khí sinh bị gió lọt vào, huyết hư đọng lại kinh-lạc, dùng quy-vĩ, thược-rượu, quế-tâm, phòng phong độc hoạt, tang-ký-sinh, tục đoạn, ngư-tất, hồ-phách đều 3, hương-tân 1, xuyên sơn-giáp 3 vẩy sắc uống mỗi ngày ba lần, hòa xạ hương 1 phần mà uống đến khỏi đau là thôi; chớ dùng ma-hoàng, xương-truật, phát ra bồ-hôi quá mà khốn.

Nếu vì ra huyết nhiều quá, khí huyết hư hại dùng thang « Bát vị » đồ trọng, tục đoạn xuyên sơn giáp, ôn bồ thì khỏi.

Đau khắp cả mình

Sanh xong rồi, đau khắp cả mình, nếu thấy mặt, môi đỏ tím, là huyết ứ đình trệ lại, lấy tay ấn bóp vào càng đau, dùng « Tứ vật » thêm xuyên-sơn-giáp, tần-giao quế-chi-tiêm, hồng-hoa, đào-nhân, một rượu, cho chạy tan đi là khỏi.

Vì huyết ra nhiều quá đau khắp mình, ấn bóp cho thì thấy hơi

đỗ : là huyết hư kém lắm dùng bài : « Thập toàn » thêm hương-phụ, độc hoạt.

Vì huyết ra nhiều, các mạch trống cả, máu bị gió cảm vào làm cho thân thể đau rức nặng nề, gân mạch co rút phát nóng rức đầu, dùng bài : « Ngũ tích ; thêm xuyên-sơn-giáp bôi sơn sống đốt cháy, rất hay. Nhưng chỉ nên uống một hoặc hai thang thôi, chớ uống nhiều có hại.

Bằng da thịt đau là ngoại cảm dùng hương-phụ, tia-tô, màn-kinh kinh giới, phòng-phong, trần bì, quế chi, xuyên-sơn-giáp.

Rức đầu

Sau khi sinh nở, huyết xấu không ra, xông ngược lên đầu, làm cho đầu rức lại thêm bụng đau, dùng xuyên-khung quy-vĩ, sinh-địa, ngũ-linh, cao-lương-khương đều 10, bỏ vào nồi sành, đậy nắp, gần kín đốt lửa nung đỏ, đợi nguội đem tán nhỏ, lại đem hồ-phách, nhũ-hương, hoa-nhị-thạch, lưu-huỳnh chế, đều 1, tán nhỏ, trộn với thuốc, trước hòa dấm thanh làm viên bằng hạt đậu xanh, khi uống đem thuốc hơ vào than cho đỏ, bỏ vào nước gừng tự nhiên ; pha chút rượu, xạ hương, nước tiểu trẻ giai, mài nát, thỉnh thoảng uống một ngụm.

Nếu rức đầu mà nét mặt vàng bạch, ngoài không hiện chứng nóng rét, đau mình, trong không thấy đi đại tiện, táo kết, là vì ra huyết nhiều quá, huyết hư, nóng bốc lên đầu, dùng : « Bát trân » thêm hương-phụ, màn-kinh.

Rức đầu lệch về một bên, dùng bài « Cửa vị khương hoạt » bỏ bạch chỉ, thêm đậu-đen sao, dấm rượu, sắc sôi, lúc nóng đem xông chỗ đau, đợi vừa ấm thì uống, như rức bên trái sợ lạnh, giắt về sau óc, bài ấy thêm xuyên khung, vĩ-quy ; rức bên phải sợ lạnh, rức giắt cả thái dương thêm sâm-tốt, hoàng-kỳ.

Phát sốt

Sau khi sinh nở, phát nóng sốt, phần nhiều vì huyết là chất mát trong mình hao đi mau quá, khí nóng không có gì pha hòa cho giảm sức đi, dùng bài « Tứ-vật » thêm can-khương sao cháy, để cho có đủ chất mát, thì nóng tự bớt đi.

Bằng thấy rức đầu nóng rét, sợ lạnh, là chứng ngoại cảm, chớ có trị như chứng cảm thường, phải dùng bài « Tứ-vật » thêm kinh-giới, sài-hồ, hạnh-trắng, để hòa huyết, giải cảm là khỏi.

Phát nóng mà buồn nôn, ợ hơi, đầy, thò, là vì ngộ ăn, dùng bài « Ry-công » thêm sơn-tra, hậu-phác, mạch nha, gừng tươi.

Phát nóng mà thấy trong mình, trong bụng có chỗ đau rắn, là vì huyết ứ đình trệ, dùng vĩ-quy, xuyên-khung, đan sâm, hồng-hoa, đào-nhân, thán-khương.

Vì ra huyết nhiều quá, mà buồn bầy, bắt rất, miệng ráo khát, mắt đỏ, mình nóng, dùng 3 lạng hoàng-kỳ, 1 lạng quy-thân, sắc cho uống, nếu huyết ra như trút bạo quá, chất mát hết, chất nóng không nương tựa vào đầu được nữa, chạy bong ra ngoài mà phát nóng sốt lên, cần cho uống kịp ngay thang sâm-tốt, phụ-tự-chế, chậm thì tắt ra bồ hôi quá, thở rốc lên quá, thế là khí nóng cũng hết, dầu thuốc nào cũng không cứu được nữa.

Sốt, rét

Sau khi sinh nở, khí huyết hư hại, chất mát và khí nóng không điều hòa nên nóng rồi lại rét, rét rồi lại nóng, nóng đi, rét lại, thay đổi loanh quanh, dùng bài « Tứ-vật » hợp bài « sài-hồ ».

Bằng khi trong kinh mạch không điều, lúc rét, lúc nóng, nóng rét không nhất định vào giờ giấc nào, là chứng hư, dùng bài « Lý-trung » thêm xuyên-khung, quy-thân.

Huyết ứ không tan hết, và ăn uống không tiêu hết, đình trệ lại, thành nóng rét đúng cơn như sốt rét rừng, hoặc trước nóng, sau rét : hoặc trước rét sau nóng, cứ đến đúng cơn hàng ngày mới phát, nhất định không sai dùng xuyên-khung, quy-vĩ, chích-thảo, bảo-khương, đan-sâm, đào-nhân, sài-hồ, sơn-tra, thán-khúc.

Vì cảm gió lạnh, thì mình đã nóng rất dữ dội, mà lại thường khi sợ lạnh, dùng bài « Sâm-tô » hợp với « Tứ-vật » can-khương, kinh-giới.

Sốt rét cơn

Sau khi sinh, bị chứng sốt rét đúng từng cơn, cứ mỗi ngày một chiều, hay cách ngày lại một cơn, là vì huyết ứ đình trệ thành ra, dùng bài « Sinh-hóa » thêm sài-hồ, mo ba ba.

Vì đờm trệ, ăn không tiêu, tích lại thành sốt, dùng « Nhị-trần » thêm sơn-tra, hậu-phác.

Nếu quả thiệt là cảm gió lạnh ở ngoài vào, thì dùng bài « hoắc-hương-chính-khi ».

Ho

Sau khi sinh nở, cảm gió lạnh vào phổi thành ho, dùng bài « Sâm ô » hợp « Tứ-vật ».

Vì âm hư nóng bốc lên phổi mà ho về buổi chiều nặng hơn, dùng bài « Bát-tiên ».

Vì huyết ra ít, chất xấu chạy lên phổi, mà ho, dùng bối-mẫu 2, hạnh-nhân 3, huyền-hồ 3, hồng-hoa 2, đào-nhân 3, xuyên-khung 2, quy vĩ 3.

Vì trong nóng ráo quá, ho khan, dùng mạch môn 5, ngọc-trúc 5, cam-thảo 3, cát cánh 3, quất-hồng-bì 3, đan-bì 3, gừng tươi 5 lát, sắc đặc, bỏ mật ong canh lại mà uống, bao giờ phổi khỏi ráo mới khỏi ho, chứng này có con bú, thì khí huyết thông đi dễ chữa, không thì thành lao.

Đổ máu mồm, máu mũi

Sau khi sinh, huyết ra không xuôi xuống, chạy ngược lên tràn ra miệng, mũi ; dùng « Tứ-vật » thêm sâm-tốt, tía tô, cam thảo, kinh giới, sao cháy, sắc nước pha nước tiều trẻ giai cho uống.

Nếu thấy miệng, mũi sắc đen xám, mà đổ máu ra, là chứng rất khó trị, dùng sâm-chính 5, sinh-địa 5, đan-bì 3, ngư-tất 3, lá màn-tươi 3, sắc pha nhiều nước tiều cho uống, họa may cứu gỡ được chăng !

Khát nước

Sau khi sinh, khí lực yếu mệt, nhọc mà khát nước, là tân-rịch không đủ hóa ra, dùng sâm-chính, mạch-môn, ngũ-vị sắc uống.

Vì huyết hư mà khát, dùng bài « Tứ-vật » thêm thiên-hoa, mạch-môn.

Nếu khát quá không khỏi, dùng sâm-chính, quy-thân, hoàng-kỳ, trúc-riệp, cam-thảo, sắc uống.

Đại-tiện táo kiệt

Sau khi sinh, huyết ra nhiều, tân-rịch ráo kiệt, nên ruột già không nhuận, thành ra đại-tiện táo quá, khó đi, nếu ăn uống như thường, không đầy tức khó chịu, thì không cần hạ, dùng phép thông-khoan cũng được, đợi khi huyết đầy đủ như thường thì đại-tiện tự-nhiên

thuận lợi, muốn uống thuốc trong, thì dùng một bát con hạt vừng-đen, nghiền nát, pha nước sôi với đường-ngọt mà uống sẽ thông ngay.

Tiểu-tiên đi luôn, vãi ra

Sau khi sinh, khí lực yếu kém, sụt xuống, hay làm cho tiểu-tiên đi vật luôn luôn, dùng bài « Bồ-trung. »

Thận hư không giữ vững được, hay đái vãi ra, tự mình không cầm hãm được, dùng thang « Bát vị » thêm ích-trí-nhân, cố-chỉ, tang-phiên-tiên.

Vì khi sinh bà-đỡ vô ý, không cần thận, làm hỏng bong-bóng, nên nước tiểu cứ rỏ ra từng giọt, mãi không thôi, dùng sâm-chính, hoàng-kỳ, quy-thân, bạch-truật, bạch-thược, cam-thảo, tán bột, lấy bong-bóng lợn nấu lẫn vào mà uống luôn một tháng thì khỏi.

Nếu suốt ngày không đi đái, chỉ rỏ lý-rỉ ra mãi, không ráo, là bong-bóng tắt có chỗ rạn vỡ ra, dùng tơ-vàng tự-nhiên hai lạng (đừng lấy thứ nhuộm) sâm-chính thiết tốt 5 đồng cân, bạch-cập, đan-bì đều 3 đồng cân, sắc mãi thấy tơ rừ như kẹo thì đem uống, uống luôn một tháng thì hiệu.

Bồ hôi

Sau khi sinh, bồ-hôi ra vừa-vừa đủ thấm nhuần ngoài da là tốt.

Nếu bồ-hôi chỉ ra từ cổ trở lên đầu, còn mình không có là âm hư, chất mát trong mình không được đều-hòa, khi nóng bị uất-vít không thông khắp được, chỉ bốc lên đầu, nên chỉ đọc ra bồ-hôi ở đầu thôi, dùng thang « Tiểu-sài-hồ ».

Bằng khắp cả mình, râm-rấp ra bồ-hôi, khác hẳn với bồ-hôi vừa phải bình thường, thế là thiếu chất mát ở trong, mà khí nóng bong ra ngoài, dùng bài « Bát trân » thêm mạch-môn, ngũ-vị, hoàng-kỳ, phòng-phong.

Nếu huyết thoát quá, chỉ còn nóng chạy bốc thoát hết ra ngoài, nên đầu và mình ra bồ-hôi nhiều quá, như nước chảy ròng ròng, mãi không thôi, là khí dương thoát mất, phải dùng đại-tế; sâm-chính tốt, phụ-tử-chế mới có thể hồi được.

Âm-hư ra bồ-hôi trộm, dùng bài « Đương-quy » hoàng-kỳ, sinh-địa, và hoàng-cầm, hoàng-bá, hoàng-liên, ba vị đều sao cháy mới hay.

Phù - thũng

Chỉ mặt thũng, còn dưới không thũng, là cảm gió, nên phát tán, dùng xuyên-khung 2, quy-vĩ 3, thược-rước 3, phòng-phong 3, lá tía-tò 2, trần-bì 2, phục-bì 3, cam-thảo 1, gừng-tươi 5 lát, hành-hoa 5 cây.

Chỉ nửa người dưới thũng mà trên không, nên lợi tiểu-tiện để trừ thấp,, cũng dùng bài trên thêm mộc-thông, phòng-kỷ.

Chân tay với đầu, mặt thũng nặng hơn, là thức ăn và phần khí đình-trệ cũng dùng bài trên thêm những vị tiêu đi, như vị ăn, thêm sơn-tra, mạch-nha vân vân : vì khi thêm trầm-hương, hương-hậu, mộc-hương ; có huyết ứ thêm đào-nhân, quy-vĩ hồng-hoa, vân vân.

Bụng thũng nề, đầy, thở, đêm nặng hơn ban ngày dùng « Tứ-vật » thêm ô-rước, hương-phụ, nga-truật, tam-lăng.

Chân tự nhiên nề thũng nặng ra, là khí ẩm-ướt, nóng-nực chảy xuống, sợ sẽ thành chứng sưng-chân, dùng « khương-hoạt, phòng-kỷ, hoàng-bá, xương-truật, thang-ma, cát-cánh, trư-linh trạch-tả, quy-thân, nhân-trần, hoàng-cầm, khỗ-sâm, cam-thảo, sâm-chính, sắc nước uống nóng.

Bằng chân sưng đỏ mà đau, sợ thành thũng-độc, cứ xem da nóng với không nóng mà phân-biệt, nếu nóng thì phải chữa theo phép thũng độc như chữa mụn rọt vậy.

Sau khi sinh, huyết xấu nhân chỗ trống chạy vào các kinh-lạc đình-trệ lâu ngày, huyết hóa ra nước, làm cho mắt, mặt chân, tay phù-thũng ; cần phải xét kỹ, nếu quả là gió lọt vào phần khí, thì chắc rằng ngoài da chỉ sưng thũng, nổi rỗng-không thôi, cần phải cho ra mồ hôi, để gió thoát ra, là khỏi.

Bằng thấy phù-thũng mà bóng-lọng những nước, có ho, thở-suyễn đi tiểu-tiện không thông lợi, mới là thũng vì nước, nên thông tiểu-tiện, cho rút nước ra.

Bằng thấy phù-thũng mà trong lòng đầy chướng, là vì người đó vốn có hơi nước đọng lại lâu ngày, thành thứ nước tựa như đờm mà lỏng : nên dùng chỉ thực, bạch-truật, sắc nước uống.

Nếu thấy phù-thũng mà da tím như quả mận chín thẫm hoặc khắp cả mình xanh xám, là bệnh về phần huyết, phải điều-trị huyết, chớ có cho ngay là bệnh phù nước chỉ trị bằng những vị thông-lợi tiểu-tiện thì nguy. vì sau khi sinh đã hư yếu rồi, lại tiêu ráo mãi, thì chết ; phải dùng quy-vĩ thược-rước, mộc-rước, quế-tâm, hồ-phách đều 10, xạ-hương và hương-tân 1, tán nhỏ, lấy quy-vĩ, thược-rước, bạch

truyệt, bạch-linh, trần-bì sắc nước làm thang mà uống, mỗi liều 5 grammes, uống lâu mới khỏi.

Mụn rọt

Sau khi sinh, khí huyết hư cả, huyết xấu tụ kết lại thành mụn rọt, chỉ nên dùng bài « Sinh-hóa » thêm kim-ngân, liên-kiều, nhũ-hương, một-rược, chớ dùng vị lạnh mát, và vị tiêu-độc, sợ khi vỡ thành thối nát khó chữa.

Còm, yếu

Sau khi sinh, khí huyết kém cả, lại thêm ăn ở không cẩn-thận, kiêng khem, ngoài cảm gió lạnh, trong thì huyết ứ, thành ra gầy còm yếu ớt, nhọc-mệt, trước rất nên điều bổ tỳ-vị cho ăn uống được biết đói, biết tiêu, thì khí-huyết mới mạnh-khỏe, tinh-thần mới khoan khoái, dùng bài « Lục-quân » làm cốt, rồi tùy chứng mà gia-giảm, sau dùng « Bát-trân » mà bổ Như nóng rét đi lại thì hợp với bài « Tiểu-sài-hồ »

Thấy bụng rốn đầy đau, thì bổ sâm-chính, hoàng-cầm, sinh-địa, thêm huyền-hồ, đào-nhân.

Ngại ăn, chỉ muốn ngủ bỏ sài-hồ thêm hoàng-kỳ, trần-bì, sa-nhân.

Nóng trong xương nóng ra, đồ mồ-hôi trộm, lở bỏ hôi quá bỏ xuyên khung, sài-hồ, thêm mo ba ba, vỏ-hầu, đan-bì.

Ho suyễn có đờm bỏ sâm, và sài-hồ, thêm mạch-môn, bách-hợp bồi-mẫu.

Mặt vàng, da võ, còm yếu bỏ sài hồ, xuyên khung, bội nhiều sâm, kỳ.

Khỏi rồi, sau chỉ còm yếu thôi, thì dùng « Bát-trân » hay « thập-toàn » tùy tạng mà bồi bổ.

Vú sữa

Hình chất của vú có 5 phần : 1. đầu vú, 2. lỗ vú, 3. tua sữa, 4. túi sữa. 5. hãm sữa.

Đầu vú cảm giác rất lạnh, lỗ vú và tua sữa đưa thông nước sữa, túi-sữa để đựng sữa, hãm-sữa để chế-hóa ra sữa.

Khí hóa của vú có ba phần : đầu vú bằng gân, nên thuộc kinh mạch của gan, bầu vú thuộc kinh mạch dạ dày : sữa là bởi thức ăn uống nung đúc ra.

Sữa tắc

Sau khi sinh, sữa sắp ra, mà chưa được thông. dùng thông thảo 8 đồng cân, nấu nước móng chân lợn. lấy nước sắc thuốc mà uống, (các bài sau chữa sữa không ra, đều dùng nước móng-lợn như thế cả.)

Người béo đầy quá, huyết mạch ứ tắc sữa chậm không ra, hoặc vì huyết ứ đọng không ra được ; thì vú chắc sưng đau, dùng bạch đinh-hương 1. vương bất-lưu hành 2. thiên hoa phấn 3. lậu lô 3. cương tâm 2.

Vì ra huyết nhiều quá. huyết kém, không ra sữa được. dùng bài « Tứ vật » thêm thiên hoa 3. vương bất lưu hành 2. mộc hương 3. Ngoài lấy cây và củ hành, nấu nước xấp lau rửa vú luôn luôn cho thông sữa.

Vì khí huyết yếu kém. mà không gây được sữa. dùng « Bát trân » thêm hoàng kỳ. mạch môn. thiên hoa.

Vì dạ dày hư lạnh. ăn không tiêu mấy, không sinh hóa ra được sữa nên sữa không thông. dùng thạch chung nhũ chế 4. quế tâm 2 cam thảo 2. lậu lô 2. thông thảo 5. thiên hoa 5 sắc uống.

Tức sữa

Mới sinh, con chưa bú được mấy, sữa thừa kết tụ làm cho vú sưng khô rắn đau rức, hoặc đàn bà trẻ tuổi, khí huyết đang mạnh quá, vú tức sữa sưng to mà đau, có khi phát rét, nóng tợn khát quá cần vắt hết sữa đọng, hoặc mút đi càng hay, lấy thồ-bối-mẫu, qua lâu, thảo-tiết, mộc thông sắc uống.

Vì con không nuôi được, tức sữa đau vú phát nóng rét, dùng : « Tứ vật » thêm ô-rước 3, hương-phụ-chế 3, và mạch nha một lạng sao cháy, sắc đặc uống thay nước chè thì khỏi. Muốn làm cho tắt sữa đi, đều dùng bài này cả.

Những chứng tức sữa cần phải chữa ngay, kéo kết lại trong túi sữa thành rột, lắm khi vỡ mủ khó chữa.

Sữa nhiều quá

Sữa nhiều quá, chảy tràn ra đầy rắn thành đau, lấy miếng lụa hơi nóng mà chườm thì khỏi.

Sau khi sinh, sữa tự chảy tràn ra không thôi, là khi-hóa của mạch máu dạ-dầy không vững, phải xét xem tại nóng lắm hay không ?

Nếu quả là người vốn tạng nhiệt, dạ dày nóng quá, làm cho sữa tràn ra ; dùng : « Tứ-vật » thêm hoàng cầm, chi-nhân.

Vì dạn quá, khí nóng trong mạch-gan bốc lên, vú chướng đầy mà tràn ra, dùng tiêu-dao thêm đan-bì chi-nhân.

Vì dạ dày yếu kém quá, không đủ sức giữ vững lại, mà sữa tràn ra, dùng « Tứ-quân » thêm hoàng-kỳ, ngũ vị, trần bì, khí huyết h- yếu quá, dùng « Thập-toàn đại-bồ » bội nhiều sâm kỳ.

Ăn ít mà sữa ra nhiều quá, muốn cho nó ra vừa vừa thôi, dùng quy-vĩ, hồng hoa, thực rước, ngư-lất, tán ra cho uống với nước nóng.

Có người chưa đẻ mà sữa tự nhiên chảy ra, là khí lực yếu kém không giữ vững được, sinh con khó nuôi.

Lở vú

Đầu vú mọc mụn nhỏ lấm tấm mà đau, lấy gạc-hương, cam-thảo tán bột, hòa lòng đỏ trứng gà, bỏ vào nồi đồng đun nóng lên mà đắp, lấy phòng-phong, thăng-ma, huyền-sâm, bạch-thược, bạch-liễm, xạ-can, đại-hoàng, phác-tiên, hạnh-nhập, cam thảo sắc uống.

Sưng vú

Có thai 6, 7 tháng rồi, trong lòng đầy hơi, xóc lên, bầu vú sưng đau, thấy sắc đỏ hồng là vì nóng lắm ; nếu không đỏ là vì đã có khí uất, lại thêm thai khí vượng quá nóng lắm, dùng thang « Tứ vật » thêm sài-hồ, liên-kiều, ngư-bàng, hoàng-cầm, chi-nhân sống, thiên hoa, phòng-phong, cam thảo, sắc uống lúc đói.

Vì khí uất dùng bài « Tiêu-dao »

Ngoài nên dán cao thái-ất cho tan đi.

○ Khi mới sưng, không chịu điều-trị, hoặc lại uất dạn tức khí làm cho sưng đau to lên, thối tất thành mủ, nên uống thang « Tiêu dao » thêm hoàng-kỳ-sống, bạch-chỉ, liên-kiều, để dưỡng huyết đưa mủ ra, vỡ rồi nên điều-dưỡng khí huyết, đợi khi sinh xong, sẽ theo phép trị mụn rọt mà trị cho kín miệng lại.

Con bú rồi ngậm vú nằm ngủ, bị hơi ở mũi đưa bé thổi vào vú, làm cho tua-sữa tắc không thông, kết lấp sưng đau, dùng ngay một quả rưa-giầy (qua-lâu) lấy cả xơ lẫn hạt, giã nát ra, thêm quy-vĩ 3, cam-thảo-tiết 2, nhũ-hương 2, một rước 2, tạo-thích 2, sắc xong pha rượu vào mà uống.

Ngoài lấy củ nam-tinh sống tán mịn hòa dấm bôi đắp, đắp xong lấy vải chằng kín, thường lấy tay xoa cho tan đi.

Vú rút đầu vào

Đầu vú rút vào trong bầu-vú, mà không trồi ra; trẻ con không bú được, là vì kinh mạch thuộc gan bị lạnh, co rút vào không bật ra; dùng hoàng-kỳ sống 6, quy-thân 4, mộc thông 3, càn-khương 3, quế-tâm 2, phòng phong 2, bạch chỉ 2, sắc lấy nước xong mài thêm quế tốt và pha rượu vào mà uống.

Vú sa dài quá

Vú sa dài xuống quá bụng, dài đến hơn thước, xét xem vì huyết ứ không ra được, bốc lên vú, làm cho vú phải chảy dài ra, thì dùng xuyên-khung 1 lạng, quy-vỹ 1 lạng sắc uống luôn luôn, lại lấy những vị ấy nấu nước xông vào mũi mà ngửi thì huyết tan đi vú sẽ co dần lên.

Nếu thấy hiện chứng nóng sốt, cảm ở ngoài vào, là kinh lạc của gan bị khí nóng làm cho bốc lên vú phải chảy ra dùng thang « Tiểu sài hồ » thêm phòng phong, khương hoạt.

lại lấy phòng phong, khương hoạt, bạch liễm đốt khói xông ngửi.

Hai chứng đều nên lấy 49 hạt thầu-dầu tía giã nát ra, trộn một phân xạ-hương thiệt tốt, đắp lên đỉnh đầu, đợi khi vú đã co lên rồi, rửa sạch ngay đi.

Chứng này là một quái tật, những người hay có tính dạn rữ thường mắc phải.

Mụn vú

Đàn bà tự nhiên vú sưng to đỏ văng, khô rần, đau rức, nóng rét, rức đầu, là đốm sắp lên mụn ở vú.

Thoạt mới lên, lấy lá riếp rại (bồ công anh) giã ra, vắt nước mà uống, còn bã nó thì đắp ngoài, khỏi sưng ngay, hoặc dùng quy vĩ, thanh bì, bạch chỉ, sài hồ, bối mẫu, bạch cương tàm, kim ngân, thiên hoa, thảo tiết, các vị đều nhau sắc uống.

Nóng rét thêm phòng phong, kinh giới, khương hoạt, độc hoạt.

Uống thuốc rồi không thấy tiêu đi là đã thành mủ rồi, thêm tạo thích, xuyên sơn.

Khi đã thành mủ rồi, nặn cho mủ đặc vọt ra, hết mủ thì khỏi.

Khi vỡ rồi khí huyết hư yếu, dùng « Thập toàn » bỏ quế đi, thêm trần bì, bối mẫu, cát cánh, hương phụ chế.

Nếu vỡ đã lâu, mủ ra trong và loãng, miệng không liền lại và đầy

kín đi được, thì cần uống sâm, kỳ, quế, phụ, thiệt nhiều, mới có thể khỏi được.

Hạch trong vú

Trong vú kết hạch con con khô rắn, không tan, ngoài da vẫn như thường, không sưng đau, không ngứa chi cả, năm bảy năm hoặc mười lăm năm mới vỡ ra ở trong.

Chúng này vì nhiều sự uất ức trong lòng, không được thư thái, hoặc tinh hay dận gắt, làm tổn hại những mạch máu của gan và lá lách, bị ủng tắc lại, mới thành ra thế, lâu năm rồi thấy phát nóng từng chiều, kinh rét, mới biết đau to, kéo dằng cả hông, nách, sưng như bát úp, khô, rắn hình như mô thóc lổm chổm, cao lồi như mô đá đầu mụn nổi tím bóng lọng, trong thịt nổi những tia máu, trước thôi, sau mới vỡ, nước hôi, khi chảy ra ít, khi chảy ra nhiều, thịt thối lổm vào như hang hổ, miệng toét như hoa sen, đau đớn l thường.

Nếu lại thêm dận rữ, chảy vọt mẩu tươi ra, chân mụn càng sưng, càng rắn bấy giờ trong tạng, phủ đều suy nhược cả thành ra chứng hư hồng rồi, không thể cứu gỡ được nữa.

Ai bị chứng này, cần phải yên tâm, tĩnh dưỡng, không nghĩ ngợi một việc chi nữa, mới có thể điều trị.

Khi mới phải, dùng cả quả qua-lâu, và quy vĩ 5 cam thảo 5, nhũ hương 3, mộc rược 3, nghiền nát cả ra, mỗi khi dùng 20 grs. cho vào ba cốc rượu thiệt ngon, sắc lấy một phần ba (1/3), bỏ bã đi, sau khi ăn cơm một giờ thì uống.

Rồi lại dùng thang « Tứ vật » hợp với nhị-trần, thêm hương-phụ thanh bì, bối mẫu, cát cánh, mộc thông, lá tía tô, quả dành dành sống, viễn chí chế, gừng tươi, sắc lấy 2/3.

Ngoài lấy thịt cá diếc sống và hoài sơn đều nhau giã nát thêm vào một tý xạ hương đắp lên trên các hạch, thấy ngứa lắm cũng đừng gãi động, chỉ nên cách áo xoa khẽ khẽ thôi, bảy ngày lại thay đắp lượt khác khi mới phải có thể tiêu tán được.

Bằng quanh quần không thấy hiệu nghiệm gì, là thế mụn đã thành rồi, chớ dùng những bài công phạt mạnh quá, chỉ hồng tạng phủ đi thôi, cần dùng ngay bài « Bát trần » thêm thanh-bì, bối mẫu, cát cánh, hương-phụ sắc uống, may ra khỏi được, không thì cũng giữ lâu lại được ít nhiều ngày.

Chứng này ngay lúc mới phải điều trị kịp đi, còn có thể mong khỏi được, chớ đã lâu ngày vỡ ra, thì khó khỏi lắm.

Am hộ

Ngoài âm hộ sưng đau. — Là vì mạch của gan bị khí ẩm ướt nóng nực động xuống đó. nên dùng thang « Long đởm tả can ».

Nếu người đó vốn hư yếu, ăn ít mà âm hộ hơi sưng nặng sa xuống. phải dùng thang « Bồ trung » để nâng đỡ lên.

Ngoài đều dùng lá ngải, phòng phong, đại kích, sắc nước đặc, nóng. rồi rửa thiệt sạch.

Lại lấy trần bì, chỉ thực tán mịn, sao nóng gói vải mỏng ngồi lên. thì khỏi sưng và đỡ đau.

Trong âm hộ đau. — có khi đau quá, chân tay không thể co duỗi được, là vì khí nóng uất lại, làm cho khí ẩm ướt không hóa tan đi mà tụ cả xuống đó ; dùng bài « Tiêu dao » thêm đan bì, chi tử, sắc uống ; ngoài lấy bài « Tứ vật » thêm nhũ hương, giã luyện thành bánh, lấy vải thiệt mỏng bọc lại rồi nhồi vào trong chỗ đau thì khỏi.

Ngứa âm hộ. — âm hộ ngứa, là vì khí ẩm ướt nóng nực hấp lại sinh sâu, có khi nặng thì chân tay mỏi mệt, nước tiểu dầm dìa dùng thang « Long đởm tả can »

Ngoài lấy đào-nhân nghiền nát ra như bùn, trộn bột hùng-hoàng với gan gà, gói vải thiệt mỏng. làm như cái ngón tay, cuối đuôi buộc cái giây, cho khi muốn lấy ra cho dễ, xong đem đốt vào chỗ ngứa.

Lở âm hộ — âm hộ lở, cũng vì khí ẩm ướt nóng nực chạy xuống, lâu ngày thành sâu, sâu ăn thành lở, chảy ra những mủ khi đau, khi ngứa, nhưng nhúc như sâu bò, bụng dưới đầy buồn muốn đi tiểu luôn mà đỏ, ăn ít, người nhọc, trong nóng, hay sốt về buổi chiều, kinh nguyệt không điều, ra rớt trắng đỏ, nên phân biệt mà trị.

Nếu sưng đau dùng « tứ-vật » thêm sài-hồ, chi-nhân, long-đởm.

Vì hoễn chảy nước ra mà đau dùng « tiêu-dao » thêm đan-bì, chi nhân.

Nặng nề sa xuống thêm « Bồ-trung-ích-khí ».

Trĩ âm-hộ. — trong âm-hộ có thịt nho nhỏ lồi ra, gọi là trĩ, chảy nước vàng ra, dễ chữa, chảy nước trắng ra, khó chữa, dùng ô-dầu đốt cháy còn tính, bỏ dấm-thanh vào canh đặc mà xông ; dùng thang « Tiêudao » thêm hoàng-liên, hột-hoa.

Âm-hộ mọc mầm. — chứng này vì nhiều có, có kẻ vì khí trong âm-hộ hư hỏng, có kẻ vì khí sinh rặn quá, có kẻ vì màng ẩm-ướt, nóng nực chạy xuống, có khi vì khí-lực hư yếu sụt xuống trong âm hộ mọc ra một vật như con rắn, hoặc như cái nấm hoặc như mào gà.

Xét xem vì nóng thì tất thấy đi tiểu đỏ và khó mà muốn đi luôn, dùng thang « Long-đởm-tả-can ».

Vì hư yếu thì tất thấy sa xuống nặng nề, nước tiểu đi trong mà dài, dùng thang « Bồ trung » thêm thanh-bì, chi-nhân.

Ngoài đều dùng hạt sà-sàng và ô mai sắc nước thiết đặc xông xong, rồi rửa.

Lại lấy lê-lô tán bột thiết nhỏ hòa với mỡ lợn đắp vào, lấy vải buộc lên, là khỏi.

Âm hộ lạnh. — Âm hộ cứ giá lạnh đi, là vì gió lạnh nhân khi trống lọt vào nhà con, lâu ngày khí huyết đình trệ, sẽ biến ra nhiều chứng khác, khó thụ thai được, nên làm viên bài « Bát vị » thêm ngô-thù, ô rước, uống nhiều luôn mãi.

Ngoài lấy viễn chi, can khương, sà sàng, ngô thù nghiền thiết nhỏ, lấy vải mỏng gói, đút vào trong âm hộ, mỗi ngày thay hai lần, tự nhiên nóng lại như thường.

Âm hộ ra hơi. — âm hộ thường khi ra hơi có tiếng phì phì như khi ra hơi đường hậu môn vậy, vì là đại tiện táo kết không thông, mà bên hậu môn vững chắc quá, khí phải theo đường âm hộ mà phì ra, lấy nửa cân mỡ lợn, và một nắm tóc rối đã rửa sạch, bỏ lẫn vào đun, bao giờ tóc chảy tan hết, là được, chia làm hai lần uống, đại tiện không táo nữa, thì khỏi.

Âm hộ đau dăng lên vú. — có hai gân kéo gò từ âm hộ lên vú, đau không thể chịu được : dùng bài « Ngũ-linh » thêm đại-hồi 2, tiểu-hồi 2, xuyên-luyện 2, bình-lang 2, huyền-bồ 3, ô-rước 3, nhũ-hương 2, ma-hoàng 1, gừng-tươi 3 lát, hành-sống 3 cây, sắc nước rồi mài một hương tốt cho uống ra được bồ-hôi thì khỏi.

Khi giao-hợp xong, bị khi bốc đau bụng — chực chết, dùng tiết-lợn ngay khi mới cắt ra, còn đang nóng, hòa rượu mà uống, thì khỏi.

Lòng ở âm-hộ sinh thứ sáu 8 chân — lấy bạch-quả nhai nát rừ, xát vào rất hay, hoặc lấy nhân đào cũng được, lại lấy xuyên-tiên và các vị sát trùng nấu nước đặc mà rửa.

Mơ ngủ với ma

Đàn-bà thần không yên ổn, hay tưởng không chính đính, thường khi mơ ngủ giao thông với ma, đó là khí huyết vốn yếu kém, dùng thang « Quy-tỳ » thêm thần-sa và hồ phách mà uống.



MỤC LỤC

	Số Trang		Số Trang
Kinh nguyệt	1	Khó đẻ	45
Kinh tắc	7	Ruột ra	46
Rong huyết	10	Rau không ra	47
Rong huyết	13	Huyết ra mãi	48
Bạch đới	13	Thở rốc	49
Tiểu đục	14	Mê cuồng	50
Sinh đục	15	Hoảng hốt	50
Có thai	20	Tê liệt	51
Thuốc kỵ thai	23	Nấc	52
Ốm nghén	24	Đau bụng	53
Thai động	25	Đau sườn	54
Đái rắt	27	Rức đầu	55
Đi ly	28	Sốt	55
Thai mà ho	30	Ho	57
Cơn giãn	31	Bồ hôi	58
Mất tiếng	32	Phù thũng	59
Nói nhảm	32	Còm yếu	60
Phù thũng	33	Vú sữa	60
Thai không lớn	35	Sưng vú	62
Đẻ non	37	Mụn vú	63
Thai lạ thường	40	Hạch vú	64
Ruột to	41	Âm hộ	65
Sấp sanh	42	Mơ ngủ mấy ma	66



Imprimerie Thuy-ky
98, Rue du Chanvre
● HANOI ●